

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: **045** /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

**Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tháng 7/2025
và Chương trình công tác tháng 8/2025**

**A. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH
THÁNG 7/2025**

Tháng 7/2025 là thời điểm đánh dấu sự kiện lịch sử quan trọng trong việc hoàn thiện bộ máy hành chính nhà nước, mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được triển khai trên phạm vi toàn quốc, đây là một bước ngoặt mang tính tư duy chiến lược về thể chế và minh chứng cho quyết tâm kiến tạo một nền quản trị hiện đại. Tỉnh Đắk Lắk được hợp nhất từ hai tỉnh Phú Yên và Đắk Lắk (cũ) được kỳ vọng sẽ tạo ra không gian phát triển mới, kết nối khu vực Tây Nguyên với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, với nhiều tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế, thu hút đầu tư và nâng cao đời sống của người dân. Sau sắp xếp, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các ngành, các địa phương tiếp tục bám sát các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và kế hoạch của UBND tỉnh trong công tác chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm hoàn thành đạt mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Trong đó, kinh tế tiếp tục duy trì đà phát triển ổn định, hầu hết các ngành, lĩnh vực đều có mức tăng trưởng, sản xuất nông nghiệp ổn định, công nghiệp đạt mức tăng trưởng khá, các hoạt động dịch vụ, thu hút khách du lịch diễn ra sôi động; mô hình tổ chức chính quyền 2 cấp bước đầu hoạt động ổn định, các thủ tục hành chính được xử lý kịp thời, tạo tiền đề đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền trong thời gian tới. Chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục được nâng lên; các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; cuộc vận động xóa nhà tạm, nhà dột nát được triển khai quyết liệt, hiệu quả, đảm bảo tiến độ theo yêu cầu; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Cụ thể như sau:

I. VỀ KINH TẾ

1. Về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tập trung chỉ đạo tổ chức sản xuất nông nghiệp, gieo trồng và chăm sóc các loại cây trồng theo kế hoạch đề ra. Toàn tỉnh, đã thu hoạch xong vụ Đông - Xuân, sản lượng lương thực có hạt ước đạt 621.797 tấn, tăng 2,36%¹. Tiến độ gieo trồng tính đến ngày 20/7, lúa hè thu (Đông Đắk Lắk) 24.700 ha, giảm 0,16%; lúa mùa

¹ Trong đó: Sản lượng lúa ước đạt 586.631 tấn, tăng 2,29%; sản lượng ngô ước đạt 35.166 tấn, tăng 3,62%.

(Tây Đắc Lắc) 67.056 ha, tăng 0,29%. Chú trọng công tác chăm sóc, nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, một số cây trồng đạt sản lượng cao so với cùng kỳ².

Công tác triển khai hỗ trợ, cấp mã số vùng trồng để nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp được quan tâm thực hiện. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã phê duyệt 309 mã số vùng trồng xuất khẩu và 34 mã số vùng trồng nội địa.

Hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh được duy trì tương đối ổn định. Tổng số lượng đàn vật nuôi gia súc, gia cầm toàn tỉnh ước đạt khoảng 23.641.732 con³. Sản lượng thịt hơi các loại từ đầu năm đến nay ước đạt 226.208 tấn, đạt 58,87% kế hoạch, sản lượng trứng các loại ước đạt 481.560.000 quả, đạt 58,64% kế hoạch. Dịch bệnh vẫn còn xảy ra ở một số địa bàn⁴; đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các địa phương tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt khẩn trương tiêm phòng vắc xin và hướng dẫn các biện pháp cách ly, chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi nhằm nhanh chóng khống chế, không để dịch bệnh lây lan ra diện rộng. Công tác kiểm dịch được thực hiện chặt chẽ, số lượng gia súc, gia cầm được kiểm dịch xuất tỉnh là 804.446 con, kiểm dịch nhập tỉnh là 1.250.446 con.

Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống cháy rừng được chú trọng thực hiện. Luỹ kế từ đầu năm đến nay, diện tích rừng trồng mới là 1.596 ha, tăng 1,08% so cùng kỳ; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 1.630,48 ha và chăm sóc 309,58 ha rừng trồng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp; phát hiện và lập biên bản 49 vụ, giảm 30 so cùng kỳ, tịch thu 43,400 m³ gỗ các loại, thu nộp ngân sách khoảng 283 triệu đồng. Luỹ kế từ đầu năm đến nay, phát hiện và xử lý 665 vụ vi phạm Luật lâm nghiệp, tịch thu 199,843 m³ gỗ các loại, thu nộp ngân sách nhà nước hơn 2,3 tỷ đồng. Thực hiện nghiêm công tác tuần tra, kiểm tra các vùng trọng điểm dễ cháy rừng, nhất là trong thời điểm khô, hanh hiện nay.

Hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản được duy trì ổn định. Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 9.455 ha, đạt 77,65% kế hoạch, tăng 8,32% so cùng kỳ. Luỹ kế 7 tháng/2025, sản lượng thủy sản ước đạt 75.760 tấn, tăng 3,40% so cùng kỳ⁵. Thường xuyên kiểm tra, thực hiện nghiêm các biện pháp, tăng cường kiểm soát tàu cá khai thác bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định.

² Cao su mủ khô đạt trên 34.248 tấn/43.423 tấn KH, đạt 78,87% và tăng 18,43% so với cùng kỳ; Hạt điều đạt trên 39 ngàn tấn, đạt 100% KH và tăng 2,83% so với cùng kỳ; Hồ Tiêu trên 83 ngàn tấn, đạt 100% KH và tăng 11,28% so với cùng kỳ.

³ Trong đó: đàn trâu hiện có 33.400 con, giảm 0,66%; đàn bò hiện có 403.602 con, giảm 1,53% (trong đó, đàn bò sữa có 4.646 con, tăng 52,63); đàn lợn 1.249.730 con, tăng 0,99%; đàn gia cầm hiện có 21.955 nghìn con, tăng 1,34% (trong đó, đàn gà khoảng 19.419 nghìn con, tăng 1,70%).

⁴ Cụ thể: Dịch tả lợn Châu Phi tiếp tục phát sinh, làm chết và buộc tiêu hủy 24 con (tại xã Dliê Ya và xã Chư Kbô); xuất hiện ổ dịch đầu tiên về bệnh viêm da nổi cục, làm chết và buộc tiêu hủy 01 con bê (tại xã Ea Bung); 02 ổ dịch lở mồm long móng, làm 39 gia súc mắc bệnh, chưa có gia súc chết (tại xã Ea Rôk).

⁵ Trong đó: sản lượng thủy sản khai thác biển là 52.774 tấn, tăng 3,73%; sản lượng thủy sản khai thác nội địa là 1.859 tấn, tăng 1,46%; sản lượng thủy sản nuôi trồng là 21.127 tấn, tăng 2,74% so cùng kỳ.

Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai và nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn được quan tâm thực hiện, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, sinh hoạt và giảm nhẹ thiên tai.

Tập trung triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chú trọng nâng cao chất lượng các tiêu chí và tiếp tục duy trì, giữ vững các tiêu chí đã đạt được; sau sắp xếp, toàn tỉnh có 26/88 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 29,55%), trong đó có 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đạt 15,38% trong tổng số xã đạt chuẩn). Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được triển khai một cách đồng bộ, rộng khắp, tạo sự lan toả mạnh mẽ tại các địa phương; toàn tỉnh có 764 sản phẩm OCOP của 372 chủ thể (*trong đó có 02 sản phẩm đạt 5 sao, 50 sản phẩm đạt 4 sao và 656 sản phẩm đạt 3 sao*).

2. Về sản xuất công nghiệp

Hoạt động sản xuất công nghiệp tăng trưởng khá, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp ước tăng 15,5% so với cùng kỳ⁶; lũy kế 7 tháng tăng 12,5% so với cùng kỳ⁷. Các nhà máy sản xuất cà phê, bia, thép, nhà máy thủy điện, điện năng lượng tái tạo hoạt động ổn định; nhà máy chế biến tinh bột sắn đã dừng thu mua nguyên liệu để sửa chữa bảo dưỡng máy thiết bị; nhà máy chế biến mía đường kết thúc vụ ép vào cuối tháng 6/2025. Lũy kế 7 tháng/2025, sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng so với cùng kỳ như: Cửa ra vào bằng sắt thép tăng 227,97%; phân vi sinh tăng 82,46%; thức ăn gia súc tăng 51,80%; bao bì các loại tăng 24,97%; cà phê tăng 15,39%; linh kiện điện tử tăng 10,09%; nước tinh khiết tăng 5,06%;... Tiếp tục quan tâm đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn, đặc biệt đôn đốc chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Phú Xuân.

3. Về thương mại, dịch vụ

Tình hình thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh duy trì ổn định, lưu thông thông suốt. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 15.958,8 tỷ đồng, tăng 15,5% so với cùng kỳ. Lũy kế 7 tháng ước thực hiện 106.789,6 tỷ đồng, tăng 13,9% so với cùng kỳ, đạt 59% kế hoạch.

Hoạt động xuất khẩu tiếp tục được quan tâm, các doanh nghiệp tập trung thực hiện các đơn hàng đã ký kết. Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 270 triệu USD, tăng 58,7% so với cùng kỳ; lũy kế 7 tháng ước thực hiện 1.789 triệu USD, tăng 32,5% so với cùng kỳ, đạt 80% kế hoạch. Tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 85 triệu USD, tăng 28,6% so với cùng kỳ; lũy kế 7 tháng ước thực hiện 594 triệu USD, tăng 47,2% so với cùng kỳ, đạt 78% kế hoạch.

⁶ Trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 23,1%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 16,1%; công nghiệp sản xuất, phân phối điện, hơi nước tăng 14,1%; công nghiệp cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 21,1%.

⁷ Trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 9,4%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,8%; công nghiệp sản xuất, phân phối điện, hơi nước tăng 19,2%; công nghiệp cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,4%.

Tháng 7 là tháng cao điểm của mùa du lịch hè 2025, tiếp tục tổ chức các hoạt động trong Chương trình kích cầu thu hút khách du lịch và triển khai nhiều hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, tập trung giới thiệu các tiềm năng, thế mạnh về du lịch, giá trị văn hoá, lịch sử và các sản phẩm du lịch, điểm du lịch hấp dẫn của địa phương⁸. Tổng lượt khách du lịch đến Đắk Lắk ước đạt 710 nghìn lượt, tăng 41,23% so cùng kỳ, trong đó khách quốc tế ước đạt 9 nghìn lượt, tăng 74,33% so cùng kỳ; tổng thu từ du lịch ước đạt 1.420 tỷ đồng, tăng 58,42% so cùng kỳ. Luỹ kế 7 tháng năm 2025, tổng lượt khách du lịch đến Đắk Lắk ước đạt 4.595 nghìn lượt, đạt 72,94% kế hoạch; tổng thu từ du lịch ước đạt 8.385 tỷ đồng, đạt 66,54% kế hoạch.

Hoạt động tín dụng, ngân hàng trên địa bàn phát triển ổn định và an toàn; các tổ chức tín dụng và ngân hàng thương mại tuân thủ và chấp hành tốt các quy định của NHNN Việt Nam về lãi suất huy động và lãi suất cho vay. Tổng vốn huy động đến cuối tháng 7/2025 ước đạt 156.535 tỷ đồng, tăng 10,4% so với đầu năm; dư nợ cho vay trên địa bàn ước đạt 246.460 tỷ đồng, tăng 9,7% so với đầu năm; nợ xấu chiếm tỷ lệ khoảng 0,93% trên tổng dư nợ trên địa bàn tỉnh (*đảm bảo dưới 3%*). Tiếp tục triển khai các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN Việt Nam⁹.

4. Về công tác thu, chi ngân sách nhà nước

Tập trung chỉ đạo quyết liệt, triển khai nhiều giải pháp trọng tâm điều hành công tác thu ngân sách nhà nước. Tổng thu ngân sách nhà nước 7 tháng/2025 đạt **9.564 tỷ đồng**, bằng 71,38% dự toán Trung ương giao và bằng 58,64% dự toán tỉnh giao, tăng 19,85% so cùng kỳ; trong đó, các khoản thu nội địa đạt **9.449 tỷ đồng**, đạt 71,35% dự toán Trung ương giao và đạt 58,55% dự toán tỉnh giao, tăng 20,12% so cùng kỳ; thu nội địa trừ thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết đạt **6.443 tỷ đồng**, bằng 70,49% dự toán Trung ương giao và bằng 68,78% dự toán tỉnh giao, tăng 13,9% so cùng kỳ. Tổng thu tiền sử dụng đất đạt **2.740 tỷ đồng**, đạt 72,72% dự toán Trung ương giao và đạt 42,67% dự toán tỉnh giao, tăng 38,61% so cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương 7 tháng/2025 là **23.005 tỷ đồng**, đạt 58,06% dự toán trung ương giao và đạt 53,9% dự toán tỉnh giao, tăng 22,1% so cùng kỳ; trong đó, chi thường xuyên là **13.533 tỷ đồng**, đạt 49,66% dự toán Trung ương giao

⁸ Như: Thực hiện trưng bày chủ đề “Di sản văn hoá Đắk Lắk - Hoà ca rừng và biển” chào mừng tại “Lễ công bố các nghị quyết, quyết định của Trung ương và địa phương về sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện, thành lập tổ chức đảng, chỉ định cấp uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt nam tỉnh, xã, phường”; Chương trình giao lưu nghệ thuật “Hương sắc Cao Nguyên” trong khuôn khổ Ngày hội Gia đình Việt Nam năm 2025; Hoạt động quảng bá du lịch tỉnh Đắk Lắk của các Hoa Hậu đến bạn bè trong nước và quốc tế cùng Chương trình nghệ thuật với chủ đề “Đắk Lắk - Âm vang ngày mới”;...

⁹ Về Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản (gói 100.000 tỷ đồng): Ước đến 31/7/2025, dư nợ cho vay luỹ kế từ đầu tư chương trình đạt khoảng 220 tỷ đồng; về Chương trình cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư theo Nghị quyết 33/NQ-CP: Thực hiện cho vay đối với 01 dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động (Dự án Khu dân cư Hà Huy Tập (phường Tân An thuộc Khu đô thị phía Bắc đường vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột)).

và đạt 49,27% dự toán tỉnh giao; chi đầu tư phát triển là **9.470 tỷ đồng**, đạt 80,85% dự toán Trung ương giao và đạt 65,98% dự toán tỉnh giao.

5. Về phát triển các thành phần kinh tế

Triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận các nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp. Trong tháng, đã cấp mới đăng ký kinh doanh cho 200 doanh nghiệp, tăng 47% so cùng kỳ. Lũy kế 7 tháng/2025, đã cấp mới đăng ký kinh doanh cho 1.676 doanh nghiệp, đạt 45,44% kế hoạch, tăng 51% so cùng kỳ; có 366 doanh nghiệp thông báo hoạt động trở lại; 1.046 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, đạt 87,20% kế hoạch; 173 doanh nghiệp giải thể. Lũy kế số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn là 18.943 đơn vị (gồm 17.853 doanh nghiệp và 1.090 chi nhánh của doanh nghiệp ngoài tỉnh).

Về phát triển hợp tác xã (HTX): Lũy kế 7 tháng/2025, có 33 HTX thành lập mới; đến nay, toàn tỉnh có 692 HTX, 05 liên hiệp HTX và 12 Quỹ Tín dụng nhân dân đang hoạt động, 177 HTX ngừng hoạt động.

Để đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo tiền đề cho tăng trưởng kinh tế, ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2025 và Chương trình, Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ, trong đó giao cụ thể từng nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện, trọng tâm là cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình triển khai thực hiện thủ tục gia nhập thị trường, đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Nhờ đó, môi trường kinh doanh của tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, với nhiều giải pháp thiết thực, mang lại các kết quả đáng ghi nhận, nhiều TTHC đã được rút ngắn so với quy định chung; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước được tăng cường, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong thực hiện các TTHC, tiết kiệm thời gian, chi phí phát sinh, góp phần làm giảm chi phí gia nhập thị trường của doanh nghiệp¹⁰.

Việc triển khai các nhiệm vụ trong chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực; chất lượng giải quyết TTHC được cải thiện. Mức độ hài lòng của người dân ngày một tăng cao. Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số của tỉnh từng bước được hình thành, phù hợp với bối cảnh phát triển của tỉnh và định hướng phát triển của Trung ương; cơ bản đảm bảo thực hiện được các mục tiêu phát triển chuyển đổi số mà tỉnh đã đề ra.

¹⁰ Riêng đối với TTHC lĩnh vực đăng ký kinh doanh: Sở Tài chính đã triển khai rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp từ 3 ngày làm việc theo quy định xuống còn 2 ngày hoặc 1 ngày đối với những TTHC đơn giản, thực hiện liên thông thủ tục ĐKDN với đăng ký thuế, sử dụng hóa đơn, bảo hiểm xã hội,... góp phần giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Các chỉ tiêu về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đều đạt hoặc vượt so với yêu cầu của Quyết định số 749/QĐ-TTg, Quyết định số 942/QĐ-TTg và Nghị quyết số 04-NQ/TU. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã tích cực chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh tổ chức triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ của Đề án 06; đã huy động được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, người dân, doanh nghiệp nhằm triển khai quyết liệt các nhiệm vụ được giao tại Đề án này đúng thời hạn với chất lượng cao nhất; mang lại nhiều kết quả tích cực trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDLQG về dân cư với các CSDL chuyên ngành để triển khai các dịch vụ công thiết yếu liên quan đến người dân trên môi trường điện tử, làm giàu CSDLQG về dân cư và các CSDL liên quan, bước đầu phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước và giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

Dịch vụ công trực tuyến được triển khai ngày càng sâu rộng, hiệu quả. Số TTHC đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ 100%. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã hoàn thành việc tích hợp, kết nối với 13 cơ sở dữ liệu¹¹, phần mềm chuyên ngành; đã nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Đắk Lắk lên phiên bản 2.0, qua đó tiếp tục nâng cao hiệu quả cung cấp Dịch vụ công cho người dân và Doanh nghiệp. Tỉnh cũng đã triển khai ứng dụng nền tảng công dân số “*Đắk Lắk trực tuyến*” nhằm cung cấp cho công dân trên địa bàn một cổng ứng dụng tập trung, tích hợp các ứng dụng và tiện ích, tạo điều kiện thuận lợi để công dân khai thác các dịch vụ, thông tin và dữ liệu do chính quyền tỉnh và các đơn vị nhà nước cung cấp.

6. Về đầu tư phát triển

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản được tập trung chỉ đạo thực hiện. Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Đắk Lắk (sau sắp xếp) là 14.840 tỷ đồng¹², đã phân bổ chi tiết thực hiện các dự án là 12.200 tỷ đồng, đạt 93,8%, còn lại chưa phân bổ là 804 tỷ đồng¹³, đang tiếp tục rà soát các dự án đảm bảo điều kiện quy định để giao chi tiết toàn bộ kế hoạch được giao. Bên cạnh đó, ngày 19/7/2025 tỉnh Đắk Lắk mới được Trung ương bổ sung 800 tỷ đồng từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2024 để bố trí cho dự án Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An - thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 1)¹⁴.

¹¹ (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; (2) Cơ sở dữ liệu của Cổng Dịch vụ công quốc gia; (3) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; (4) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; (5) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; (6) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; (7) Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số; (8) Kết nối hệ thống quản lý đất đai VBĐLIS; (9) Kết nối cổng dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia; (10) Kết nối hệ thống Dịch vụ công lĩnh vực Vận tải đường bộ; (11) Kết nối hệ thống Dịch vụ công Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; (12) Kết nối hệ thống Dịch vụ công Bộ Tài nguyên và Môi trường; (13) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với phần mềm dịch vụ công liên thông theo hướng dẫn của Bộ Công an.

¹² Trong đó: Ngân sách Trung ương là 7.639 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 7.201 tỷ đồng (cấp tỉnh quản lý là 13.005 tỷ đồng).

¹³ Trong đó: Ngân sách Trung ương là 312,054 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 492,8 tỷ đồng.

¹⁴ Tại Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 19/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành, các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, nhất là đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm (như dự án Cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột - dự án thành phần 3; dự án Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 1 đoạn từ cầu Buôn Ky, thành phố Buôn Ma Thuột đến Km 49+00, Dự án Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An - thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 1); Tuyến đường bộ ven biển đoạn phía bắc cầu An Hải) và 03 Chương trình MTQG, trọng tâm là rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, nguồn cung nguyên vật liệu, công tác chuyển tiếp, bàn giao, triển khai các dự án tại các Ban quản lý dự án chuyên ngành của tỉnh, không để gián đoạn, thất thoát, chậm triển khai, ảnh hưởng tiến độ giải ngân chung của tỉnh. Đồng thời, tập trung xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo hướng dẫn của trung ương. Thực hiện điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 của tỉnh Đắk Lắk sau sắp xếp sau khi được HĐND tỉnh thông qua. Tiếp tục rà soát tiến độ thực hiện của các dự án để điều chỉnh vốn các dự án giải ngân chậm sang các dự án giải ngân tốt, cần bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 của tỉnh. Tính đến ngày 31/7/2025 đã giải ngân được 3.798/12.200 tỷ đồng, đạt 31,1% kế hoạch¹⁵. Trong đó, dự án Cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (Dự án thành phần 3) đã giải ngân được 2.965/4.314 tỷ đồng, đạt 68,7% kế hoạch, đã bàn giao 100% mặt bằng cho các chủ đầu tư để thi công; công tác di dời hạ tầng kỹ thuật cơ bản đã hoàn thành (riêng đường điện 500kv chưa hoàn thành).

Ngoài ra, tỉnh tiếp tục phối hợp, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thi công Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua địa bàn tỉnh Đắk Lắk; đến nay khối lượng thi công dự án đạt 80% hợp đồng¹⁶. Vừa qua, Tỉnh đã tham dự Lễ hợp long cầu Kỳ Lộ - Dự án thành phần đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh, là một trong những cây cầu có chiều dài và yêu cầu kỹ thuật phức tạp nhất trong 12 dự án cao tốc thành phần. Tỉnh quyết tâm phối hợp cùng chủ đầu tư hoàn thành toàn bộ dự án trong năm 2025 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó, tỉnh cũng tích cực phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, đoạn qua địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể: đã chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương có Dự án đi qua chủ động rà soát, kiểm đếm khối lượng giải phóng mặt bằng; giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk làm Chủ đầu tư thực hiện các công việc liên quan đầu tư xây dựng các hạng mục phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư Dự án; hoàn thiện thủ tục để khởi công 01 khu tái định cư vào

¹⁵ Trong đó: Ngân sách Trung ương đạt 29,2% kế hoạch; ngân sách địa phương đạt 34% kế hoạch.

¹⁶ Trong đó: Đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh đạt 78% hợp đồng (dự kiến hoàn thành trong tháng 9/2025); Đoạn Chí Thạnh - Vân Phong đạt 81% hợp đồng (dự kiến hoàn thành trong năm 2025, riêng đối với các đoạn không có xử lý nền đất yếu hoàn thành trong tháng 9/2025).

ngày 19/8/2025 tại khu vực Phường Bình Kiến theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; rà soát, báo cáo Tỉnh ủy xem xét thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo triển khai xây dựng Dự án.

Công tác thu hút, xúc tiến đầu tư được quan tâm thực hiện. Trong tháng, có 17 nhà đầu tư đến tìm hiểu môi trường đầu tư của tỉnh (trong đó đã hướng dẫn thủ tục và dẫn đi khảo sát 4 nhà đầu tư và 13 nhà đầu tư nộp hồ sơ trên Trung tâm hành chính công). Tích cực hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn tất thủ tục đầu tư để sớm khởi công dự án, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế, đặc biệt hỗ trợ Nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục để tổ chức lễ khởi động đối với 02 dự án trong Khu kinh tế Nam Phú Yên¹⁷ nhằm quảng bá giới thiệu dự án và thúc đẩy hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục rà soát tiến độ thực hiện các dự án để có phương án xử lý đối với các dự án chậm triển khai, chậm đưa đất vào sử dụng. Lũy kế từ đầu năm đến nay có 30 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư, với tổng vốn đăng ký hơn 15.530 tỷ đồng và điều chỉnh chủ trương đầu tư 58 dự án.

7. Về công tác quản lý nhà nước về quy hoạch và xây dựng

Công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng, đô thị được quan tâm, chỉ đạo. Thực hiện góp ý Hồ sơ dự thảo Nghị quyết về giải pháp tiếp tục triển khai công tác quy hoạch gắn với sắp xếp đơn vị hành chính trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi); báo cáo tổng kết thi hành Luật Quy hoạch và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quy hoạch. Triển khai một số nội dung liên quan đến công tác lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh. Ban hành văn bản đề nghị Bộ Xây dựng chấp thuận, cập nhật quy mô quy hoạch Khu bến Bãi Gốc - Đông Hòa thuộc cảng biển Phú Yên vào Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk) thời kỳ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để có cơ sở triển khai thực hiện đầu tư cảng Bãi Gốc. Hoàn thành nhiệm vụ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của cấp huyện đến năm 2030, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh.

Tổ chức hướng dẫn các Ban quản lý chuyên ngành và UBND các xã, phường triển khai thực hiện công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh; thẩm quyền điều chỉnh dự án, điều chỉnh hợp đồng xây dựng các dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện (cũ) quyết định phê duyệt dự án. Thẩm định điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới phía Bắc đường vành đai phía Tây, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Lấy ý kiến các đơn vị liên quan đối với Phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ khu hàng không dân dụng phục vụ điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không Buôn Ma Thuột thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Rà soát quy hoạch đô thị để sắp xếp tài sản trụ sở khi thực hiện sắp

¹⁷ Gồm: Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hoà Tâm - Giai đoạn 1 và dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Công nghệ cao.

xếp đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn Trung tâm giáo dục nghề nghiệp Vinasme Tây Nguyên lập quy hoạch tổng mặt bằng;...

Đẩy mạnh triển khai thực hiện các dự án trong lĩnh vực phát triển nhà ở, khu đô thị mới trên địa bàn; tập trung giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc của dự án Khu đô thị dịch vụ Cụm công nghiệp Tân An, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột (1.060 căn nhà ở xã hội) và lựa chọn nhà đầu tư, khởi công 02 dự án mới khoảng 1.600 căn nhà ở xã hội. Thông báo nhà ở thương mại hình thành trong tương lai đủ điều kiện được đưa vào kinh doanh đối với 45 căn nhà ở liên kế tại dự án Tổ hợp trung tâm thương mại - khách sạn - nhà ở tại số 02 Mai Hắc Đế. Tiến hành rà soát số lượng cán bộ, công chức, viên chức có nhu cầu bố trí nhà ở công vụ và đẩy nhanh tiến độ cải tạo, sửa chữa nhà ở công vụ để bố trí chỗ ở cho cán bộ, công chức, viên chức khi di chuyển đến làm việc tại trung tâm hành chính tỉnh Đắk Lắk sau sắp xếp.

Thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng, Chỉ số giá xây dựng theo quy định. Tổ chức thẩm định 11 công trình. Duy trì công tác kiểm tra theo dõi tình hình trật tự xây dựng, kịp thời chấn chỉnh, xử lý các hành vi vi phạm trong công tác quản lý trật tự xây dựng, quản lý chất lượng công trình, lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, không theo quy hoạch. Công tác quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa đường được thực hiện thường xuyên, bảo đảm đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá, hành khách và nhu cầu đi lại của Nhân dân.

8. Về tài nguyên và môi trường

Công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, khoáng sản và môi trường được tập trung chỉ đạo. Đến nay, đã giải quyết 388.506 hồ sơ thủ tục hành chính về đất đai¹⁸. Hoàn thành nhiệm vụ phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện theo quy định. Tiếp tục xử lý các nội dung liên quan đến phương án sử dụng đất của các Công ty nông, lâm nghiệp; phương án sử dụng đất đối với diện tích đất có nguồn gốc thu hồi của các nông, lâm trường bàn giao cho địa phương quản lý. Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh, nhất là dự án Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An - thành phố Tuy Hoà (giai đoạn 1); dự án Tuyến đường bộ ven biển đoạn phía bắc cầu An Hải;... Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ hoàn tất thủ tục để đưa các khu đất ra đấu giá theo kế hoạch nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản. Cấp bản xác nhận đăng ký khai thác mỏ vật

¹⁸ Cụ thể: Đăng ký biến động đất đai: 172.375 hồ sơ; Đăng ký cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận: 40.178 hồ sơ; Đăng ký giao dịch bảo đảm: 132.918 hồ sơ; Cung cấp dữ liệu đất đai: 40.806 hồ sơ; Thực hiện quy định chuyển tiếp theo điều 256 của Luật đất đai 2024, trong đó: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu: 1.090 hồ sơ; Đăng ký biến động quyền sử dụng đất khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 1.139 hồ sơ.

liệu phục vụ dự án cao tốc theo cơ chế đặc thù cho Công ty Cổ phần xây dựng Tân Nam¹⁹; Bản xác nhận đăng ký khai thác khoáng sản trong diện tích dự án xây dựng công trình cho Công ty cổ phần xây dựng Tân Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ Khánh Hòa²⁰.

Công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định cấp giấy phép môi trường; cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện theo quy định.

II. VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Về lao động, việc làm, an sinh xã hội

Công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm được triển khai đầy đủ, kịp thời. Đẩy mạnh triển khai các hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động. Tổ chức Ngày hội việc làm tại Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên (cũ), với sự tham gia của 32 doanh nghiệp, tổng nhu cầu tuyển dụng là 3.465 người. Cung cấp thông tin thị trường lao động cho 1.782 lượt người. Đã tư vấn việc làm, nghề nghiệp và các chế độ chính sách cho 6.903 lượt người²¹; giới thiệu việc làm cho 1.311 lượt người. Tăng cường công tác hỗ trợ đẩy mạnh xuất khẩu lao động, như: Tư vấn chuyên sâu về xuất khẩu lao động cho 540 lượt người; tổ chức 06 hội nghị tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước và xuất khẩu lao động; tiếp nhận 30 hồ sơ đăng ký đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc, trong đó 19 hồ sơ đạt phỏng vấn. Triển khai Thỏa thuận hợp tác đưa lao động đi làm việc thời vụ trong lĩnh vực nông nghiệp giữa Tỉnh với huyện Jindo, tỉnh Jeollanam, Hàn Quốc²²; lũy kế đến 31/7/2025 có 1.331 người xuất cảnh làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng, trong đó có 261 người làm việc thời vụ trong nông nghiệp tại Hàn Quốc.

¹⁹ Bản xác nhận số 1887/XN-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh xác nhận Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch và bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Krông Pắc, xã Cư Bông và xã Cư Yang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk để cung cấp cho nhu cầu của Công ty cổ phần xây dựng Tân Nam thi công Gói thầu XL03, Dự án thành phần 2 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

²⁰ (1) Bản xác nhận số 1624/XN-UBND ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh xác nhận Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác đất, đá phục vụ thi công công trình gói thầu số 2, Dự án thành phần 2 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 của Công ty cổ phần xây dựng Tân Nam. (2) Bản xác nhận số 2175/XN-UBND ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh xác nhận Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án công trình tại Dự án thành phần 2 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 của Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả. (3) Bản xác nhận số 2176/XN-UBND ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh xác nhận Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án công trình tại Dự án thành phần 2 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả. (4) Bản xác nhận số 2177/XN-UBND ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh xác nhận Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án công trình tại Dự án thành phần 2 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ Khánh Hòa.

²¹ Trong đó: Tư vấn việc làm: 5.481 lượt; Giới thiệu việc làm: 1.311 lượt.

²² Tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận hồ sơ 19 lao động đợt 1 năm 2025, dự kiến xuất cảnh cuối tháng 7/2025; đồng thời triển khai tuyển chọn 70 lao động đợt 2 năm 2025.

Công tác hỗ trợ người lao động, hưởng chính sách bảo hiểm thất nghiệp tiếp tục được triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả. Đã ban hành 1.932 quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Tư vấn học nghề cho 2.066 lượt người hưởng trợ cấp thất nghiệp, có 179 người có quyết định hỗ trợ học nghề.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ cho các đối tượng chính sách, chăm lo đời sống người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn. Triển khai các hoạt động nhân kỷ niệm 78 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ²³. Giải quyết chế độ đối với 124 hồ sơ người có công, thân nhân người có công. Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh; đến ngày 31/7/2025, toàn tỉnh đã hoàn thành khởi công 100% hỗ trợ xây mới và sửa chữa cho 8.916 căn nhà (trong đó tỉnh Phú Yên cũ đã hoàn thành xây dựng 2.235 căn đạt 100% kế hoạch); có 6.912 căn đã bàn giao đưa vào sử dụng, đạt tỷ lệ 77,52% so với số căn khởi công. Quyết tâm hoàn thành Chương trình trước ngày 15/8/2025 theo chỉ đạo của Trung ương.

Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được quan tâm thường xuyên, chú trọng công tác phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em, phòng chống tai nạn thương tích trẻ em, nhất là đuối nước

2. Về giáo dục và đào tạo

Tổ chức coi thi, chấm thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 trên địa bàn tỉnh đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế; toàn tỉnh có 31.881/32.418 thí sinh đỗ tốt nghiệp THPT, đạt 98,34%. Tổ chức họp xét tuyển bổ sung Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025 - 2026; họp Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2025. Kiểm tra công tác tổ chức thực hiện các hoạt động hè 2025. Tuyển sinh đầu cấp và chuẩn bị các điều kiện nhằm đảm bảo công tác dạy và học năm học 2025 - 2026. Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo hướng nâng cao chất lượng các tiêu chí, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Về y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm thực hiện; các cơ sở y tế trên địa bàn duy trì tốt công tác khám, chữa bệnh cho người dân²⁴. Tăng cường công tác giám sát, theo dõi tình hình, báo cáo và xử lý dịch bệnh²⁵. Chú trọng công tác phòng, chống bệnh cúm, sởi, tay chân miệng, sốt xuất huyết và một số bệnh mới phát sinh. Tiếp tục triển khai Chương trình tiêm chủng mở rộng, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 40%, tổ chức tiêm vắc xin IPV tại các xã, phường. Tăng cường công tác truyền thông về đảm bảo vệ

²³ Tổ chức Lễ viếng Nghĩa trang liệt sĩ tại tỉnh Phú Yên (cũ) và Đắk Lắk; thăm, tặng quà người có công, mẹ Việt Nam Anh hùng; tổ chức đưa đoàn 43 người có công tiêu biểu tham quan TP.HCM, TP. Vũng Tàu, huyện Côn Đảo (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); 37 người tham quan các tỉnh miền Trung và miền Bắc;...

²⁴ Tổng số lượt khám chữa bệnh toàn tỉnh là: 433.547 lượt, nội trú 46.211 lượt, ngoại trú 12.892 lượt, chuyển viện (nội trú): 3.081 trường hợp.

²⁵ Trong tháng, toàn tỉnh ghi nhận 07 ca mắc bệnh sởi; 91 ca mắc bệnh tay chân miệng; 383 ca mắc bệnh sốt xuất huyết; 113 ca mắc bệnh Covid-19.

sinh an toàn thực phẩm. Giám sát an toàn thực phẩm phục vụ Giải bóng đá vô địch U15 quốc gia năm 2025. Trong tháng không xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm.

4. Về văn hoá, thể thao

Công tác tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh luôn triển khai kịp thời. Thực hiện Chương trình “Giao lưu gặp gỡ các gia đình tiêu biểu”, Chương trình giao lưu nghệ thuật “Hương sắc Cao nguyên” trong khuôn khổ Ngày hội Gia đình Việt Nam năm 2025; Chương trình nghệ thuật - thời trang “Đắk Lắk - Âm vang ngày mới”;... Đặc biệt, đã tổ chức thành công các hoạt động văn hoá, văn nghệ, triển lãm nghệ thuật “Di sản văn hoá Đắk Lắk - Hoà ca rừng và biển” tại lễ công bố sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện, nhằm góp phần quảng bá các giá trị di sản văn hóa, thiên nhiên đặc sắc, nâng cao ý thức bảo tồn di sản, khơi dậy niềm tự hào quê hương đất nước, thúc đẩy phát triển du lịch bền vững, thu hút đầu tư, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, chung tay xây dựng Đắk Lắk ngày càng giàu đẹp, văn minh, bản sắc.

Các hoạt động thể dục, thể thao được triển khai theo kế hoạch²⁶. Đăng cai tổ chức giải vô địch các CLB Karate Quốc gia lần thứ XXV (diễn ra từ ngày 09 - 18/7/2025) và đăng cai tổ chức vòng bảng giải Bóng đá U15 Quốc gia (diễn ra từ ngày 19/6 - 13/7/2025). Tham gia thi đấu các giải thể thao tổ chức trong và ngoài tỉnh.

5. Về khoa học, công nghệ; chuyển đổi số; đổi mới sáng tạo

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ (KH&CN) được triển khai thực hiện đúng kế hoạch và quy trình²⁷; tích cực triển khai các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN vào sản xuất và đời sống²⁸. Hoàn thành thủ tục cấp 08 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả nhiệm vụ KH&CN. Tiếp tục theo dõi, phối hợp quản lý 07 đề tài/dự án cấp quốc gia; quản lý 35 đề tài KH&CN cấp tỉnh chuyển tiếp sang thực hiện năm 2025 và 04 nhiệm vụ thuộc Chương trình Nông thôn mới. Đồng thời tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng Chính phủ số, phát triển kinh tế số và xây dựng xã hội số. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn vận hành, sử

²⁶ Xây dựng kế hoạch tổ chức Đại hội Thể dục thể thao cấp xã và Đại hội thể dục thể thao tỉnh Đắk Lắk lần thứ X trong tình hình mới; Ban hành Điều lệ giải Taekwondo vô địch các lứa tuổi tỉnh Đắk Lắk năm 2025.

²⁷ Thực hiện cấp 06 giấy phép tiến hành công việc bức xạ; kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động 1.412 phương tiện đo.

²⁸ Thực hiện 11 mô hình thực nghiệm tại Trại thực nghiệm KH&CN tỉnh Đắk Lắk và tại Trại thực nghiệm KH&CN huyện Cư Mgar: Xây dựng mô hình trồng rau, quả đạt tiêu chuẩn VietGAP; Xây dựng và hoàn thiện TCCS, nhãn hiệu cho một số sản phẩm ứng dụng KH&CN; Thử nghiệm nhân giống invitro Hồ tiêu; Lưu giữ, bảo quản và duy trì mô hình vườn ươm giống cây dừa MD2 invitro; Duy trì bảo quản một số loại nấm ăn và nấm dược liệu; Cải tiến máy móc, công cụ phục vụ sản xuất; Xây dựng vườn lưu giữ một số loại giống cây lâm nghiệp có giá trị; Thử nghiệm ươm giống cây tiêu Vĩnh Linh; Hoàn thiện quy trình trồng cà chua Nova; Thử nghiệm mô hình nhân giống cà chua ghép theo công nghệ tiên tiến; Xây dựng mô hình sơ chế và bảo quản quả chanh leo sau thu hoạch.

dụng hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành phục vụ mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; chuẩn hóa lại hệ thống phục vụ chỉ đạo, điều hành đảm bảo liên thông giữa các cấp theo mô hình đơn vị hành chính mới; tổ chức Lễ phát động phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Triển khai phần mềm iDesk theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và xây dựng, tích hợp Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử lưu trữ tại cơ quan vào phần mềm iDesk. Tiếp tục thực hiện công tác giám sát, điều hành đô thị thông minh theo quy định.

6. Về dân tộc và tôn giáo

Tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tương đối ổn định; tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đồng thời tích cực hướng dẫn các địa phương tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Chương trình nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được bố trí²⁹; triển khai rà soát đề trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết toàn bộ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 thực hiện Chương trình tại Kỳ họp gần nhất.

Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra bình thường, ổn định; chức sắc, chức việc và tín đồ các tôn giáo tuân thủ quy định của pháp luật. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được tăng cường, tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả³⁰. Công tác giải quyết nhu cầu của các tôn giáo đảm bảo đúng quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Trong tháng đã giải quyết 28 hồ sơ³¹ về các lĩnh vực thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, bổ nhiệm người làm chức việc, phong phẩm chức sắc, xây dựng... Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật.

7. Về công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế

²⁹ Kế hoạch vốn được giao thực hiện năm 2025 (sau sắp xếp) là: 1.772.517 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn chuyển nguồn sang năm 2025 là 703.379 triệu đồng (Ngân sách trung ương 662.224 triệu đồng; ngân sách tỉnh 41.155 triệu đồng).

+ Vốn kế hoạch giao năm 2025 là 1.069.138 triệu đồng (Ngân sách trung ương 963.238 triệu đồng, ngân sách tỉnh 105.900 triệu đồng).

Số vốn thực hiện và giải ngân (lũy kế từ ngày 01/01/2025 đến ngày 20/7/2025) là 549.072 triệu đồng, đạt 31,0% kế hoạch; trong đó ngân sách trung ương 516.567 triệu đồng, đạt 31,8% kế hoạch; ngân sách tỉnh 32.505 triệu đồng đạt 22,1% kế hoạch (Trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 283.469 triệu đồng; vốn sự nghiệp 265.603 triệu đồng).

³⁰ Ban hành văn bản chỉ đạo các sở, ngành và địa phương liên quan về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với cuộc lễ tổ chức ngoài cơ sở tôn giáo; đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc tôn giáo hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; chấp thuận chủ trương kinh phí tổ chức đoàn của lãnh đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo đi chào thăm các tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và tổ chức lễ kỷ niệm 70 năm truyền thống ngành quản lý nhà nước về tôn giáo, đồng thời khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong xây dựng ngành Quản lý nhà nước về tôn giáo; triển khai tới UBND các xã, phường thực hiện Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

³¹ Trong đó: Công giáo 07 hồ sơ; Phật giáo 16 hồ sơ; Tin lành 05 hồ sơ.

Tập trung thực hiện các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế theo kế hoạch; tiếp tục triển khai hiệu quả các bản ghi nhớ, thoả thuận đã ký kết; tăng cường ngoại giao kinh tế, văn hoá với các nước và các tổ chức phi Chính phủ³²; chú trọng đẩy mạnh triển khai hợp tác về lao động thời vụ với các địa phương của Hàn Quốc³³. Thực hiện tốt công tác lãnh sự, lễ tân trong việc đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh; quản lý, theo dõi đoàn ra, đoàn vào chặt chẽ, đúng quy định³⁴. Phối hợp với Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài tổ chức chương trình Trại hè Việt Nam 2025 dành cho thanh niên, sinh viên người Việt Nam ở nước ngoài.

III. VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH

Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được tăng cường, giữ vững ổn định. Duy trì chặt chẽ chế độ trực sẵn sàng chiến đấu ở các cấp; xây dựng và bảo vệ an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm và các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hoá quan trọng, nhất là trong thời điểm diễn ra lễ công bố sáp nhập 02 tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên. Thường xuyên tuần tra, bám sát địa bàn, nhất là tuyến biên giới và các địa bàn trọng điểm về an ninh, trật tự. Quản lý chặt chẽ hoạt động của người, phương tiện ra vào hoạt động trong khu vực biên giới biển; tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành tốt các quy định về chống khai thác thuỷ sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

Tập trung triển khai hiệu quả các biện pháp công tác tấn công, trấn áp các loại tội phạm, bảo đảm ANTT trên địa bàn tỉnh³⁵, trọng tâm là đảm bảo trật tự an toàn giao thông, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các sự kiện chính trị, chương trình diễn ra trên địa bàn. Nhìn chung, tình hình an ninh trên các

³² Gửi thư chúc mừng Quốc khánh các nước Hoa Kỳ, Pháp, Mông Cổ, Bỉ, Canada; thực hiện bài viết “Đắk Lắk - Phát huy nội lực, thu hút đầu tư” nhằm tuyên truyền, quảng bá về tỉnh, định hướng hợp tác với Hoa Kỳ trên ấn phẩm kỷ niệm 30 năm quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ của Báo Thế giới và Việt Nam; trao đổi với tỉnh Champasak (Lào) và Chính quyền tỉnh Mondulakiri (Campuchia) về việc tổ chức các Chương trình giao lưu văn hóa tại 02 tỉnh này dự kiến vào Quý III và IV năm 2025; tham gia ý kiến thẩm định khoản viện trợ do Tổ chức SAP-VN/Hoa kỳ tài trợ.

³³ Tham gia ý kiến về ký Thỏa thuận hợp tác về phái cử và tiếp nhận lao động thời vụ đi làm việc tại Hàn Quốc giữa tỉnh với Chính quyền huyện Boseong, tỉnh Jeollanam (Hàn Quốc).

³⁴ Đoàn ra: Cho phép 01 đoàn/01 lượt viên chức đi tham dự Hội nghị quốc tế tại Thái Lan; Đoàn vào: cho phép 16 đoàn/109 lượt người (trong đó có 51 lượt người nước ngoài) đến làm việc tại tỉnh (Đoàn PCPNN: 02 đoàn của CARE/Hoa Kỳ; 01 đoàn của SNV/Hà Lan; 01 đoàn của AAF/Hồng Kông-Trung Quốc, 01 đoàn của Agriterria/Hà Lan; 01 đoàn của CDC/Hoa Kỳ (58 lượt người, trong đó có 07 lượt người nước ngoài).

Các đoàn vào làm việc khác: 01 đoàn/06 người theo đề nghị của Văn phòng RA tại Việt Nam; 02 đoàn/26 người của Trường ĐH Tây nguyên; 01 đoàn/04 người của Trường ĐH Xây dựng Miền Trung; 01 đoàn/07 người theo đề nghị của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột; 01 đoàn/02 người đến làm việc tại Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột; 01 đoàn/01 người đến làm việc tại Trung tâm ngoại ngữ Khôi Nguyên; 01 đoàn/01 người đến làm việc tại Chi nhánh Công ty TNHH Nestlé Việt Nam tại Tây Nguyên; 01 đoàn/02 người làm việc tại Sở Y tế; 01 đoàn/02 người đến nghiên cứu tại tỉnh theo đề nghị của Viện Kinh tế môi trường Đông Nam Á)

³⁵ Trong tháng, xảy ra 14 vụ/17 đối tượng vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế; 18 vụ/21 đối tượng vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường; 19 vụ/40 đối tượng phạm tội về ma túy.

tội về trật tự xã hội (giảm 11 vụ (22%) so với cùng kỳ năm 2024); phát hiện 05 trường hợp vi phạm pháp luật trên lĩnh vực kinh tế, thương mại; 03 trường hợp vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; 04 vụ/09 đối tượng phạm tội về ma túy; 41 trường hợp/43 đối tượng vi phạm pháp luật về phòng, chống, kiểm soát ma túy.

lĩnh vực cơ bản được đảm bảo; tai nạn giao thông giảm 2/3 tiêu chí³⁶. Thực hiện tốt công tác cấp phiếu lý lịch tư pháp, trong tháng 7/2025 đã cấp được 2.225 phiếu.

IV. VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC BỘ MÁY, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Hoàn thành công tác sắp xếp tổ chức bộ máy và các nội dung của Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; đưa mô hình chính quyền địa phương 02 cấp vào vận hành từ ngày 01/7/2025 theo chỉ đạo của Trung ương. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương rà soát các khó khăn, vướng mắc trong triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp để kịp thời tháo gỡ nhằm đảm bảo bộ máy hoạt động ổn định, thông suốt, hiệu quả. Chỉ đạo các địa phương trên địa bàn tỉnh chuẩn bị, tổ chức Đại hội Đảng bộ cấp xã với tinh thần khản trương, chu đáo, tiết kiệm. Tiếp tục giải quyết các vấn đề liên quan đến chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức bị ảnh hưởng bởi việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy. Thực hiện rà soát, sắp xếp, sử dụng trụ sở làm việc, phương tiện, tài sản công, tài chính, điều kiện làm việc sau sắp xếp đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, không để thất thoát, lãng phí. Ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; chỉ đạo thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã và quy trình thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã nhằm kịp thời giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Chú trọng công tác quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ; tập trung số hoá tài liệu; quản lý, bảo quản tài liệu tránh hư hỏng trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy. Công tác xây dựng chính quyền, địa giới hành chính, đào tạo bồi dưỡng và công tác khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được thực hiện kịp thời, đúng quy định.

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được thực hiện hiệu quả gắn với quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, đảm bảo sự đồng bộ, ổn định và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tích cực, chủ động sẵn sàng thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025; việc thực hiện vận hành thử nghiệm mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là cơ sở quan trọng để rút kinh nghiệm, hoàn thiện quy trình tổ chức, phân công chức năng, nhiệm vụ, từ đó triển khai đồng bộ trên toàn tỉnh theo đúng quy định, bảo đảm sự chuyển tiếp ổn định. Từ ngày 01/7, thực hiện giải quyết TTHC đồng bộ theo cổng Dịch vụ công tỉnh Đắc Lắc (cũ) và Hệ thống quản lý văn bản và điều hành iDesk, các cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh đang khản trương chuyển đổi các hệ thống và khản trương giải quyết hồ sơ TTHC tồn đọng do chuyển đổi Cổng Dịch vụ công để thực hiện thống nhất, thông suốt trên toàn tỉnh; đồng thời, tiếp tục rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện phân cấp, phân quyền theo mô hình chính quyền 02

³⁶ Từ ngày 15/6/2025 đến ngày 14/7/2025, xảy ra 45 vụ tai nạn giao thông (giảm 8,16% so cùng kỳ), làm chết 37 người (tăng 27,59% so cùng kỳ), bị thương 24 người (giảm 11,11% so cùng kỳ); thiệt hại tài sản 752,7 triệu đồng.

cấp. Qua gần 01 tháng vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, về cơ bản các phường xã đã chủ động sắp xếp, ưu tiên bố trí không gian, thiết bị, nhân sự để Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã vận hành thông suốt. Các cơ quan cấp tỉnh cũng khẩn trương hoạt động, hạn chế gián đoạn. Tình hình giải quyết hồ sơ TTHC từ ngày 01/7 đến ngày 03/8/2025: Tại 16 cơ quan cấp tỉnh, tiếp nhận là 49.349 hồ sơ TTHC, đã giải quyết 33.613 hồ sơ TTHC, trong đó đã giải quyết trước và đúng hạn là 33.118 hồ sơ, đạt tỷ lệ là 98,5%; tại 102 xã, phường tiếp nhận 84.737 hồ sơ TTHC, trong đó đã giải quyết 67.502 hồ sơ TTHC, giải quyết trước và đúng hạn là 66.572 hồ sơ, đạt tỷ lệ 98,62%.

V. VỀ CÔNG TÁC TƯ PHÁP, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC, LÃNG PHÍ

Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) được thực hiện chặt chẽ, đúng trình tự, thủ tục quy định, phục vụ tốt việc tổ chức, sắp xếp, bảo đảm cho các cơ quan, đơn vị hoạt động ổn định, thông suốt. Tổ chức rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; phối hợp rà soát khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật trong lĩnh vực tài chính, đầu tư; triển khai thực hiện khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 sau sắp xếp; tập trung giải quyết các vướng mắc, bất cập trong thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp; tăng cường phối hợp với cơ quan có thẩm quyền cấp trên, chủ động hướng dẫn công chức làm công tác Tư pháp cấp xã giải đáp những vướng mắc, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới;... Thực hiện thẩm định đối với 16 dự thảo văn bản QPPL của UBND, HĐND tỉnh; tự kiểm tra 07 văn bản QPPL, cập nhật 08 văn bản trên cơ sở dữ liệu văn bản QPPL.

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật được triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực hộ tịch, chứng thực, nuôi con nuôi tiếp tục được tăng cường; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp tiếp tục được phát huy. Công tác trợ giúp pháp lý chú trọng vào các vụ việc tố tụng, đáp ứng yêu cầu của các tổ chức, cá nhân³⁷.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra được triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu theo kế hoạch đề ra. Trong tháng, đã triển khai 15 cuộc thanh tra (trong đó kỳ trước

³⁷ Trong tháng, Trung tâm TGPL nhà nước đã thụ lý 27 vụ việc cho 27 lượt người; Trợ giúp viên pháp lý thực hiện TGPL tham gia tố tụng để lấy lời khai, hỏi cung, đối chất, phúc cung, thực nghiệm hiện trường 15 lượt; tham gia hòa giải, thẩm định tài sản 03 lượt; tham gia nghiên cứu và sao chụp hồ sơ 14 vụ việc; gặp và làm việc với đối tượng hưởng chính sách TGPL 19 lượt; làm việc với người tiến hành tố tụng 16 lượt; nghiên cứu, sao chụp hồ sơ 19 lượt; tham gia 14 phiên tòa để bào chữa, bảo vệ cho người được TGPL. Thực hiện thẩm định thời gian thực hiện 29 vụ việc hoàn thành (trợ giúp viên pháp lý 26 vụ việc, luật sư 03 vụ việc).

chuyển sang 14 cuộc, triển khai trong kỳ 1 cuộc; 13 cuộc thanh tra theo kế hoạch và 02 cuộc thanh tra, đột xuất); qua thanh tra phát hiện sai phạm về kinh tế với tổng số tiền hơn 4,3 tỷ đồng; kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước hơn 3,6 tỷ đồng, kiến nghị xử lý khác gần 761 triệu đồng; đã thu hồi nộp ngân sách nhà nước được hơn 3,6 tỷ đồng.

Công tác tiếp công dân tiếp tục được quan tâm và duy trì thường xuyên từ cấp tỉnh đến cơ sở, duy trì tốt công tác tiếp công dân của lãnh đạo UBND tỉnh; trực tiếp đối thoại với công dân, kịp thời giải quyết đúng chính sách, pháp luật những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; trong tháng tiếp 14 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh với 9 vụ việc. Tổng số đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh các cấp, các ngành tiếp nhận và xử lý 120 đơn (đơn kỳ trước chuyển sang 03 đơn và đơn tiếp nhận mới là 117 đơn). Đã xử lý 107/120 đơn (trong đó có 42 đơn đủ điều kiện xem xét, xử lý và thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính, 65 đơn không đủ điều kiện xem xét, xử lý) và chuyển kỳ sau xử lý 13 đơn. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết các vụ tranh chấp khiếu kiện kéo dài được quan tâm thực hiện.

VI. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tháng 7/2025 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm đang có xu hướng diễn biến phức tạp. Tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép vẫn còn xảy ra. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và giải thể tăng. Thu ngân sách có bước cải thiện, nhưng một số nguồn thu còn đạt thấp so với kế hoạch³⁸. Nguồn khoáng sản trên địa bàn tỉnh từ các mỏ vật liệu để phục vụ công trình đầu tư công rất khan hiếm, không đáp ứng được nhu cầu nguồn vật liệu tăng cao trong giai đoạn phát triển hạ tầng hiện nay, nhất là nguồn đất đắp phục vụ cho các công trình trọng điểm, cần khối lượng đất đắp rất lớn là một phần nguyên nhân ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện và giải ngân các công trình; ngoài ra các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng đang trong thời gian kiện toàn, xử lý các vấn đề về mở tài khoản, con dấu, chờ Kho bạc xử lý dữ liệu; các dự án cấp huyện bàn giao về Ban cấp tỉnh phải chờ giao Kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm sau hợp nhất mới có thể tiếp tục giải ngân; riêng Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông NN và PTNT tỉnh do chưa phân công lãnh đạo phụ trách Ban nên phát sinh vướng mắc liên quan công tác ký hợp đồng, triển khai nhiệm vụ... cũng ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện và giải ngân dự án. Quá trình vận hành bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp trong thời gian đầu còn một số khó khăn, vướng mắc trong thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, nhất là tại các đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp (do Hệ thống dịch vụ công sau khi điều chỉnh theo địa giới hành chính mới kết nối chưa ổn định, thường xuyên gặp lỗi truy cập; một số xã, phường

³⁸ Như: Thuế bảo vệ môi trường; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Thu tiền sử dụng đất; Thu tiền thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

chưa được trang bị đầy đủ máy tính, máy scan, thiết bị lưu trữ dữ liệu, máy bốc số xếp hàng tự động, thiết bị điện tử tra cứu thông tin TTHC, mạng Internet không ổn định; một số quy định, hướng dẫn về phân cấp, ủy quyền giải quyết TTHC chưa đầy đủ, gây lúng túng trong thực hiện,...). Khối lượng thực hiện thủ tục hành chính giải quyết ở cấp xã rất lớn, nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình của người dân tăng cao gây áp lực đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, trong khi số lượng và chất lượng cán bộ cấp xã chưa đồng đều, nhiều vị trí công chức bố trí chưa hợp lý, không đúng chuyên môn, thiếu kinh nghiệm công tác (nhất là công chức làm công tác hộ tịch),... đã gây nhiều khó khăn, bất cập trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

B. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 8/2025

1. Các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, thống nhất, chung sức đồng lòng, tập trung quán triệt, triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả hơn nữa các Nghị quyết, Kết luận, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và các chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; trọng tâm là thực hiện các nhiệm vụ thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định nền kinh tế; nỗ lực, phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

2. Khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ liên quan đến công tác tổ chức Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV. Trong đó, tập trung chuẩn bị tốt việc xây dựng văn kiện Đại hội; quán triệt cập nhật, bổ sung đầy đủ các chỉ đạo của Trung ương để nâng cao chất lượng dự thảo văn kiện Đại hội.

3. Tiếp tục xây dựng tổ chức, hoạt động của chính quyền hai cấp bảo đảm thông suốt, hiệu quả, nhất là tập trung rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chế, quy định để đảm bảo sau sắp xếp các hoạt động được thực hiện liên tục, thông suốt, không gián đoạn, không có khoảng trống pháp lý.

4. Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công năm 2026 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 -2030 gửi Bộ Tài chính trước ngày 15/8/2025, đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với nguồn lực của tỉnh và định hướng phát triển trong thời gian tới.

5. Chỉ đạo các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn, cụ thể:

5.1. Tập trung chăm sóc tốt vụ Hè - Thu và thực hiện tốt công tác điều tiết nước theo quy trình vận hành tưới tiết kiệm trên toàn hệ thống thủy lợi để phục vụ tưới cho các cây trồng vụ Hè - Thu đạt hiệu quả cao; chủ động các biện pháp phòng, chống hạn và xâm nhập mặn, phòng trừ sâu bệnh. Tiếp tục phát triển các

loại cây trồng chủ lực phù hợp với nhu cầu thị trường, tiềm năng, lợi thế của tỉnh; xử lý các nội dung liên quan đến mã số vùng trồng, mã cơ sở đóng gói xuất khẩu. Thực hiện hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp để hỗ trợ, phục vụ người dân, doanh nghiệp, tạo bước phát triển đột phá trong khu vực nông nghiệp, nông thôn. Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng trang trại, hiện đại, bền vững, an toàn dịch bệnh. Tập trung thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, nhất là trong thời điểm hiện nay khi dịch bệnh đang có xu hướng diễn biến phức tạp. Triển khai các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng trong điều kiện thời tiết nắng nóng; tăng cường công tác tuần tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật Lâm nghiệp. Tăng cường công tác chống khai thác IUU. Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thiên tai để kịp thời cảnh báo, triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân; rà soát, kiểm tra các công trình hồ chứa, vùng neo đậu tàu thuyền, các điểm dân cư có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi sạt lở đất, triều cường, lũ quét,... để sẵn sàng ứng phó khi tình huống xấu xảy ra trong mùa mưa bão sắp đến.

5.2. Triển khai các giải pháp thúc đẩy hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh; tăng cường rà soát, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quản lý, hoạt động của các cụm công nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, thành lập các cụm công nghiệp mới (như thành lập Cụm công nghiệp Ea Ô) đảm bảo nhu cầu mặt bằng thu hút các dự án đầu tư phát triển ngành công nghiệp. Ban hành kế hoạch Khuyến công địa phương năm 2025 và xây dựng chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 2026-2030. Rà soát, đề xuất danh mục các dự án nguồn, lưới điện để cập nhật vào Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 (điều chỉnh). Tiếp tục thực hiện các nội dung liên quan đến việc lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng Báo cáo tiền khả thi 08 dự án đầu tư năng lượng. Tuyên truyền sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Theo dõi, đôn đốc các đơn vị Điện lực đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định, liên tục trong mùa khô. Chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm các quy định về an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

5.3. Tập trung thực hiện các hoạt động hỗ trợ, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xuất khẩu, du lịch, dịch vụ. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh. Triển khai Đề án Thương mại điện tử quốc gia năm 2025, trọng tâm là xây dựng bộ giải pháp bán hàng xuyên biên giới cho doanh nghiệp có nhu cầu xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Phú Yên (cũ). Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất khẩu khi Mỹ áp dụng thuế quan; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, ổn định sản xuất cho các doanh nghiệp. Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh; hỗ trợ các doanh nghiệp tìm kiếm các thị trường mới, tiềm năng. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát thị trường, kịp thời thực hiện giải pháp đảm bảo cân đối cung cầu, ổn định giá cả, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, găm hàng, đầu cơ, tăng giá bất hợp lý; tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về niêm yết giá, hàng giả, hàng cấm, hàng vi phạm về sở hữu trí tuệ,

hàng nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ... Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tiếp tục tổ chức các chương trình kích cầu thu hút khách du lịch mùa hè năm 2025. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh; xây dựng và triển khai các hoạt động, sản phẩm du lịch theo hướng đổi mới, sáng tạo, đa dạng, phát huy bản sắc, thế mạnh, tiềm năng đặc thù của tỉnh, nhằm thu hút khách du lịch và phát triển ngành du lịch bền vững, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình Hộ chiếu ẩm thực Đắk Lắk năm 2025; Kế hoạch tổ chức Tuần lễ Văn hóa, Du lịch và Ẩm thực Đắk Lắk 2025; Hội thảo phát triển du lịch, văn hóa ẩm thực tỉnh Đắk Lắk năm 2025; Kế hoạch tham gia gian hàng giới thiệu du lịch, văn hóa tại ITE HCMC 2025; lắp đặt hệ thống camera AI kiểm soát ra vào tại: Di tích quốc gia đặc biệt Nhà đày Buôn Ma Thuột, Di tích lịch sử quốc gia Biệt điện Bảo Đại và Bảo tàng Đắk Lắk (*sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí*). Tiếp tục nâng cao chất lượng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh ăn uống, mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; tổ chức khảo sát phát triển sản phẩm du lịch (sinh thái nghỉ dưỡng rừng - biển, nông nghiệp, nông thôn, cộng đồng, làng nghề, OCOP...) để phát triển sản phẩm du lịch mới; tổ chức các lớp tập huấn và đi học tập thực tế tại một số tỉnh phát triển mô hình du lịch sinh thái nông nghiệp, nông thôn, cộng đồng, làng nghề đang hoạt động hiệu quả. Thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vận tải; nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, phục vụ tốt nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hoá của người dân. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành dịch vụ; ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số.

5.4. Thường xuyên theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, thực hiện tốt công tác quản lý nguồn thu, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, xác định cụ thể các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu, nhất là thu từ hoạt động thương mại điện tử, nền tảng số, thị trường vàng,... để có biện pháp thu hiệu quả. Tập trung thu hồi nợ đọng thuế, hạn chế phát sinh nợ mới, khó thu hồi. Đẩy mạnh thực hiện khai thuế qua mạng và nộp thuế điện tử. Tập trung rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án thu tiền sử dụng đất năm 2025 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh để các dự án sớm đi vào hoạt động, tạo nguồn thu cho ngân sách tỉnh, đảm bảo nguồn vốn bố trí cho các dự án đầu tư công. Thực hiện chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, nhất là chi thường xuyên; kiên quyết cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết, ưu tiên chi đầu tư phát triển và an sinh xã hội. Tập trung xây dựng dự toán NSNN năm 2026 để chuẩn bị làm việc thảo luận với Bộ Tài chính (*dự kiến vào ngày 07/8/2025*). Tổ chức thảo luận dự toán NSNN năm 2026 với các đơn vị dự toán cấp tỉnh và 102 xã, phường để tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2026 trình HĐND tỉnh quyết nghị.

5.5. Thực hiện quyết liệt các giải pháp phát triển doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển nhanh, bền vững, tăng trưởng về số lượng, chất lượng, quy mô, hiệu quả hoạt động và đóng góp vào tăng trưởng, phát triển kinh tế. Ưu tiên bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia chuỗi giá trị; chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển các mô hình kinh doanh mới; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tích cực hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc. Phát huy vai trò của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Đắk Lắk và các hiệp hội khác đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, làm cầu nối giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; thường xuyên đối thoại, trao đổi thông tin, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, kinh doanh. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động, sáng tạo, linh hoạt, đổi mới, tinh thần đột phá, dám nghĩ, dám làm, dám mạo hiểm, có khát vọng để phát triển sản xuất, kinh doanh, làm giàu cho bản thân và cho xã hội. Tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư, kinh doanh theo yêu cầu đặt ra tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ. Triển khai các chương trình, chính sách tín dụng cho doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng; theo dõi, giám sát chặt chẽ diễn biến lãi suất trên địa bàn để giữ ổn định lãi suất; triển khai điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt nhưng phải phù hợp, hiệu quả, tạo niềm tin cho doanh nghiệp. Tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn hiệu quả.

5.6. Tập trung chỉ đạo, thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp để đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công (bao gồm cả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia). Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm, liên vùng³⁹. Đôn đốc các chủ đầu tư tích cực phối hợp với các địa phương và các sở, ngành liên quan sớm hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, các thủ tục đấu thầu để khởi công các dự án. Thường xuyên kiểm tra, giám sát thi công tại hiện trường, đảm bảo công tác thi công đúng quy trình, quy định, đúng tiến độ, chất lượng công trình. Chủ động rà soát, điều chuyển vốn theo thẩm quyền giữa các dự án giải ngân chậm sang các dự án giải ngân tốt, cần bổ sung vốn. Kịp thời báo cáo các Bộ, ngành liên quan để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền. Khẩn trương hoàn tất các thủ tục để thanh toán ngay các dự án khi có khối lượng, tránh để dồn vào những tháng cuối năm. Thường xuyên rà soát nguồn lực, số vốn đã bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn để

³⁹ Như: Dự án Cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (Dự án thành phần 3); Dự án Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 1 đoạn từ cầu Buôn Ky, thành phố Buôn Ma Thuột đến Km 49+00; Dự án Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Phú Yên; Dự án Tuyến đường bộ ven biển phía Bắc cầu An Hải; Dự án Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An - thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 1); Dự án Tuyến đường giao thông từ Cảng Bãi Gốc (Khu Kinh tế Nam Phú Yên) kết nối Quốc lộ 1 đi Khu kinh tế Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa);...

bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực hiện thực tế tại địa phương. Xử lý nghiêm theo quy định đối với tổ chức, cá nhân cố tình làm chậm tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, có hành vi tiêu cực, tham nhũng trong quản lý đầu tư công. Thực hiện các biện pháp kiểm soát giá và chất lượng nguyên vật liệu xây dựng phục vụ cho các dự án đầu tư công. Kịp thời cập nhật, công bố giá vật liệu xây dựng, có chế tài xử lý nghiêm các trường hợp thao túng giá. Phối hợp, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án cao tốc Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh, đảm bảo hoàn thành theo tiến độ đề ra. Hoàn thiện các thủ tục liên quan để khởi công, đầu tư xây dựng 01 khu tái định cư phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh. Làm việc với Bộ Xây dựng về phương án đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Phú Yên - Đắk Lắk. Xây dựng và ban hành các văn bản QPPL liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, khả thi và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc triển khai thực hiện⁴⁰. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho các dự án bất động sản, dự án nhà ở trên địa bàn, góp phần ổn định, phát triển thị trường bất động sản. Đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, phấn đấu hoàn thành theo kế hoạch đề ra. Phê duyệt, khởi công xây dựng các dự án nhà ở xã hội; hoàn thành chỉ tiêu về nhà ở xã hội được giao trong năm 2025.

Thực hiện hiệu quả các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, lành mạnh để đẩy mạnh thu hút đầu tư; đổi mới công tác xúc tiến đầu tư, chủ động tiếp cận các đối tác, Nhà đầu tư lớn để mời gọi các Nhà đầu tư có tiềm lực, có thương hiệu đầu tư các dự án động lực, tạo tác động lan toả, tập trung vào các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, du lịch nghỉ dưỡng,... Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư hoàn tất các thủ tục đầu tư, nhất là hoàn tất các thủ tục để khởi công xây dựng các dự án. Khẩn trương hoàn tất các thủ tục để tổ chức Lễ khởi động đối với 02 dự án, gồm: Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hoà Tâm - Giai đoạn 1 và dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Công nghệ cao để chào mừng kỷ niệm 80 năm Quốc khánh 2/9. Đồng thời, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ các dự án đã thực hiện, sớm đầu tư hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng, tạo nguồn thu cho ngân sách tỉnh. Kiên quyết thu hồi, xử lý các dự án chậm triển khai, chậm đưa đất vào sử dụng. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách; sửa đổi, bổ sung các quy định, chính sách ưu đãi, đảm

⁴⁰ Xây dựng Quyết định quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Ban hành Quyết định quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; phê duyệt quy trình nội bộ, nội bộ liên thông đối với các thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung.

bảo tính cạnh tranh, minh bạch và hài hoà lợi ích giữa nhà nước và Nhà đầu tư, phù hợp với các quy định hiện hành.

5.7. Tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII và triển khai thực hiện Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII. Rà soát các nội dung để thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh để phù hợp với tình hình thực tế và các quy hoạch có liên quan. Triển khai lập, thẩm định các quy hoạch xây dựng, quy hoạch chi tiết; điều chỉnh quy hoạch cụ bộ theo quy định⁴¹. Thường xuyên kiểm tra trật tự xây dựng, kịp thời đề xuất xử lý theo quy định.

5.8. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, môi trường. Rà soát, xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp sau hợp nhất để giải quyết hiệu các kiến nghị, đề xuất từ cấp xã, phù hợp với thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành. Thực hiện tốt công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính; nghiên cứu, đề xuất giải pháp để đẩy nhanh tiến độ bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với các khu đất đang quản lý. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác quản lý trong hoạt động khai thác khoáng sản; thực hiện cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, chuyển nhượng giấy phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định; tập trung chấn chỉnh, khắc phục sai phạm.

5.9. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả các các chế độ, chính sách đối với người có công. Tăng cường công tác thông tin thị trường lao động, tăng số phiên giao dịch việc làm để cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động và người lao động giúp cho người lao động tìm được việc làm phù hợp; nâng cao năng lực của hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm, mở rộng thị trường và cơ hội việc làm cho lao động đã qua đào tạo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài⁴²; thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động theo đề nghị của các đơn vị.

Chuẩn bị các điều kiện để triển khai nhiệm vụ năm học mới 2025-2026. Tổ chức tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chính trị hè cho

⁴¹ Có ý kiến Chủ trương lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Tây Nguyên; thẩm định Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu du lịch văn hóa - sinh thái Buôn Đôn; lấy ý kiến đối với Phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ khu HKDD phục vụ điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không Buôn Ma Thuột thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (lần 2). Hướng dẫn việc lập quy hoạch dự án Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, mở rộng một số hạng mục cấp thiết Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên; Hướng dẫn xác định chiều cao công trình của các dự án trong Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu - Khu vực 2.

⁴² Thực hiện tuyển chọn 70 người lao động đi làm việc tại huyện Jindo, tỉnh Jeollanam, Hàn Quốc, đợt 2 năm 2025; dự kiến xuất cảnh cuối tháng 8/2025. Chuẩn bị các nội dung để ký kết Thỏa thuận hợp tác giữa Tỉnh với huyện Boseong, tỉnh Jeollanam, Hàn Quốc (khi được cho phép).

giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh năm 2025; bồi dưỡng nâng cao “năng lực số” trong tổ chức dạy học cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên phổ thông; triển khai các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho học sinh sinh viên trong tuần sinh hoạt đầu năm học. Tổ chức Hội nghị tổng kết năm học 2024 - 2025 và triển khai phương hướng nhiệm vụ năm học 2025 - 2026. Kiểm tra thực hiện quy chế tổ chức, hoạt động các trung tâm ngoại ngữ, tin học và tư vấn du học trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai, rà soát kế hoạch xây dựng và nâng cao số lượng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho Nhân dân; tích cực phòng chống dịch bệnh; tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống các bệnh truyền nhiễm gây dịch đường hô hấp, tiêu hoá, ngộ độc thức ăn; chú trọng kiểm tra tình hình bệnh sốt xuất huyết, sốt rét, tay chân miệng trong toàn tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

Hướng dẫn, chỉ đạo công tác tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước, của tỉnh trong năm 2025; triển khai các nội dung tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2025) và Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025). Phối hợp tổ chức các hoạt động đăng cai: Liên hoan Âm nhạc ASEAN - 2025. Tổ chức tuyên truyền Đại hội Đảng bộ các cấp, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; tuyên truyền, phổ biến, triển khai “Bộ Quy tắc ứng xử Người Đắk Lắk Văn minh - Thân thiện - Mến khách”. Chuẩn bị chu đáo các điều kiện cần thiết để tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh và phối hợp tổ chức các giải thể thao khu vực, quốc gia theo kế hoạch⁴³.

Tiếp tục theo dõi, quản lý 02 đề tài/dự án cấp quốc gia; 04 nhiệm vụ Nông thôn miền núi; 33 đề tài các năm trước chuyển sang 2025. Chuẩn bị hồ sơ để thực hiện xét duyệt các nhiệm vụ KH&CN trong kế hoạch năm 2025. Tư vấn hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có nhu cầu bảo hộ độc quyền đối tượng sở hữu công nghiệp; Cấp mới, cấp gia hạn, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ, Chứng chỉ nhân viên bức xạ. Phối hợp Viễn thông Đắk Lắk, Viettel Đắk Lắk và các đơn vị có liên quan thực hiện giải quyết dứt điểm hồ sơ tồn đọng trên hệ thống cũ. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh. Quản trị vận hành hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh đảm bảo hoạt động 24/7 và hỗ trợ người dùng các đơn vị khắc phục xử lý lỗi trên phần mềm. Tập trung triển khai thực hiện tốt Đề án 06 của Chính phủ.

⁴³ Phối hợp đăng cai tổ chức các giải thể thao khu vực, toàn quốc, như: Giải vô địch Bóng rổ 5x5 U18 quốc gia; Giải Quần vợt đồng đội trẻ toàn quốc; Giải vô địch Đẩy gậy, Kéo co trẻ và thiếu niên quốc gia; phối hợp với Hội Taekwondo tổ chức giải Taekwondo vô địch các lứa tuổi tỉnh Đắk Lắk năm 2025 (từ ngày 18 - 21/8/2025).

Tăng cường công tác nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đời sống, sản xuất tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS về các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật, phát huy nội lực và tinh thần vượt khó. Hoàn thành việc phân bổ chi tiết toàn bộ dự toán, kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện các Chương trình MTQG (trong đó có Chương trình MTQG 1719) và chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

Triển khai các hoạt động đối ngoại theo kế hoạch; theo dõi, hỗ trợ các đơn vị triển khai các hoạt động hợp tác với các địa phương nước ngoài có ký kết thỏa thuận hợp tác với tỉnh; xử lý 08 thỏa thuận quốc tế bị tác động do chấm dứt hoạt động của một số Sở, thực hiện việc tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và sáp nhập hai tỉnh Đắk Lắk - Phú Yên⁴⁴. Phối hợp triển khai các hoạt động giao lưu, hợp tác với tỉnh tự trị đặc biệt Jeonbuk (Hàn Quốc).

5.10. Tiếp tục thực hiện các nội dung liên quan đến triển khai sắp xếp đơn vị hành chính theo chỉ đạo Trung ương. Rà soát, kiện toàn các Ban Chỉ đạo, Hội đồng, Tổ của tỉnh. Rà soát, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, xã; quy định nội dung phân cấp, phân quyền, đảm bảo rõ ràng về nhiệm vụ, quy trình, thủ tục; đề xuất các nội dung phân quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, xã, phường. Sắp xếp, giải thể tổ chức phối hợp liên ngành, ban quản lý dự án, hội hoạt động kém hiệu quả. Đánh giá hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi sắp xếp; kiện toàn tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định. Hướng dẫn UBND cấp xã, phường chuyển đổi, đặt tên thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố. Hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ (sau khi hợp nhất tỉnh) để đảm bảo thực hiện đồng bộ.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Triển khai các giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ; chú trọng nâng cao các chỉ số cải cách hành chính PAR Index, SIPAS, PAPI và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI; nâng cao vai trò và trách nhiệm người đứng đầu, tính kỷ luật, kỷ cương của đội ngũ CBCCVC, đẩy nhanh khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong công tác CCHC. Chủ động nghiên cứu, tích cực đề xuất những sáng kiến, kiến nghị, giải

⁴⁴ 01 Bản ghi nhớ về hợp tác giữa UBND tỉnh Phú Yên (cũ) và công ty TNHH eREX Nhật Bản về ưu tiên hợp tác trong lĩnh vực nhiên liệu sinh khối từ cây cao lương; 01 Bản ghi nhớ giữa UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Chính quyền tỉnh Orkhon (Mông Cổ); 01 Bản ghi nhớ về hợp tác phát triển giai đoạn 2022 – 2026 giữa UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Chính quyền tỉnh Champasak (Lào); 02 thỏa thuận về phái cử lao động thời vụ giữa UBND huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk (cũ) với huyện Uiseong, tỉnh Gyeongsangbuk và thành phố Iksan, tỉnh Jeonbuk (Hàn Quốc); 01 Bản thỏa thuận giữa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên (cũ) với Chính quyền Quận Goryeong, tỉnh Bắc Gyeongsang, Hàn Quốc; 01 Bản ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực trồng trọt hoa màu và lương thực giữa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên (cũ) và Hiệp hội Hợp tác kinh Doanh nông nghiệp Hà Lan - Việt Nam; 01 thỏa thuận ký giữa Sở Ngoại vụ tỉnh Đắk Lắk (cũ) với Quỹ Phát triển khu vực hạnh phúc (Hàn Quốc).

pháp, nhân rộng những cách làm hay để đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ, đảm bảo tài liệu, cơ sở dữ liệu được bảo quản đầy đủ, an toàn, phục vụ tốt hoạt động của các cơ quan, đơn vị được thông suốt, liên tục sau sắp xếp tổ chức bộ máy. Xây dựng phương án sắp xếp, bố trí tài sản công là trụ sở làm việc, xe ô tô, trang thiết bị sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh.

5.11. Duy trì chặt chẽ chế độ trực sẵn sàng chiến đấu ở các cấp; theo dõi, nắm chắc tình hình, chủ động tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để bị động, bất ngờ. Thực hiện đồng bộ các biện pháp công tác biên phòng nắm tình hình, bảo vệ địa bàn, biên giới, vùng biển, nhất là công tác phòng, chống khai thác IUU trên địa bàn tỉnh. Triển khai quyết liệt đồng bộ các giải pháp đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm; tập trung triển khai đồng bộ công tác đảm bảo an ninh, an toàn các ngày lễ lớn, đặc biệt là Lễ kỷ niệm 80 năm Quốc khánh 2/9. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, kiến nghị xử lý đối với các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng Trung ương, tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

Tăng cường phát hiện, xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, môi trường. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phòng ngừa tai nạn giao thông, PCCC; duy trì tuần tra kiểm soát, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông. Thực hiện tốt vai trò Thường trực, giúp việc triển khai Đề án 06/CP. Chú trọng giải quyết tranh chấp, khiếu kiện phức tạp kéo dài trên địa bàn tỉnh.

5.12. Tập trung xây dựng, thẩm định, ban hành các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của địa phương để có cơ sở triển khai thực hiện sau hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp xã, đảm bảo phù hợp pháp luật, thống nhất, đồng bộ và có tính khả thi cao. Ban hành văn bản quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL cấp tỉnh, cấp xã; đồng thời hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng văn bản QPPL thực hiện theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL; đồng thời thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; kịp thời tham mưu xử lý phản ánh kiến nghị trên Hệ thống theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thực hiện tốt công tác phổ biến giáo dục pháp luật sâu rộng tạo chuyển biến mạnh mẽ về ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ, Nhân dân. Hướng dẫn địa phương triển khai các quy định mới tại Nghị định số 120/2025/NĐ-CP, Nghị định số 121/2025/NĐ-CP, Thông tư số 08/2025/TT-BTP, Thông tư số 09/2025/TT-BTP, Thông tư số 11/2025/TT-BTP...đặc biệt là các nội dung liên quan đến công tác hộ tịch, chứng thực, nhận nuôi con nuôi,... Tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó tập trung hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo.

Triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công

tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tiếp tục kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực thi pháp luật tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch thanh tra năm 2025. Đôn đốc thực hiện kết luận, kiến nghị và quyết định xử lý sau thanh tra đã có hiệu lực pháp luật, gắn với triển khai thực hiện Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ quy định việc thực hiện kết luận thanh tra. Tập trung thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy tắc quản lý ngành, lĩnh vực của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành. Triển khai thực hiện tốt các Chương trình, kế hoạch về phòng chống tham nhũng (PCTN), tiêu cực; gắn với thực hiện hiệu quả các quy định của pháp luật về PCTN, lãng phí, tiêu cực và các chỉ đạo của cấp trên về công tác PCTN, tiêu cực.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tháng 7/2025 và chương trình công tác tháng 8/2025 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- TTTU; TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Mặt trận và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CN& CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH (ĐH.20)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Công Thái

PHỤ LỤC
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 ĐẾN NGÀY 31/7/2025
(Kèm theo Báo cáo số **045** /BC-UBND ngày **08** tháng **8** năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	KH 2025 giao đầu năm	Thực hiện dự án cấp tỉnh quản lý	Đã giao chi tiết thực hiện dự án	Tổng cộng	Số vốn chi tiết đã giao thực hiện dự án		Giải ngân đến 31/7/2025	Tỷ lệ giải ngân (%)	Tỷ lệ phân bổ chi tiết	Kế hoạch còn lại chưa phân bổ chi tiết	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh quản lý	Bổ sung ngân sách huyện					
	Tỉnh Đắk Lắk (mới)	14.840.885	13.004.885	12.200.031	12.200.031	11.227.780	972.251	3.798.182	31,1	93,8	804.854	
I	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (1+2+3+4)	7.201.702	5.365.702	4.872.902	4.872.902	4.562.966	309.936	1.657.548	34,0	90,8	492.800	
1	Trung ương cân đối vốn ĐTPT trong nước	1.421.770	1.421.770	1.397.635	1.397.635	1.397.635	-	560.149	40,1	98,3	24.135	
2	Thu tiền sử dụng đất	4.352.753	2.516.753	2.222.307	2.222.307	2.050.161	172.146	742.669	33,4	88,3	294.446	
3	Nguồn thu từ xổ số kiến thiết	350.000	350.000	259.500	259.500	121.710	137.790	78.799	30,4	74,1	90.500	
4	Nguồn vốn tăng thu tiết kiệm chi	860.928	860.928	858.509	858.509	858.509	-	270.033		99,7	2.419	
5	Nguồn vốn bồi chi NSDP	200.300	200.300	119.000	119.000	119.000	-	448	0,4	59,4	81.300	
6	Nguồn vốn huy động, đóng góp và đầu tư khác	15.951	15.951	15.951	15.951	15.951	-	5.450		100,0	-	
II	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	7.639.183	7.639.183	7.327.129	7.327.129	6.664.814	662.315	2.140.634	29,2	95,9	312.054	
1	Chương trình mục tiêu (Vốn trong nước)	4.603.866	4.603.866	4.492.258	4.492.258	4.492.258	-	1.084.872	24,1	97,6	111.608	
2	Tăng thu, tiết kiệm chi	1.451.000	1.451.000	1.451.000	1.451.000	1.451.000	-	713.550	49,2	100,0	-	
3	Chương trình MTQG	1.019.308	1.019.308	928.983	928.983	266.668	662.315	326.787	35,2	91,1	90.325	
4	Vốn nước ngoài	565.009	565.009	454.888	454.888	454.888	-	15.425	3,4	80,5	110.121	
	Tỉnh Đắk Lắk (cũ)	9.590.705	7.754.705	7.104.551	7.104.551	6.132.300	972.251	2.196.266	30,9	91,6	650.154	
I	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (1+2+3+4)	3.960.950	2.124.950	1.775.904	1.775.904	1.465.968	309.936	647.205	36,4	83,6	349.046	
1	Trung ương cân đối vốn ĐTPT trong nước	963.350	963.350	963.350	963.350	963.350		398.531	41,4	100,0	-	
2	Thu tiền sử dụng đất	2.740.000	904.000	609.554	609.554	437.408	172.146	190.177	31,2	67,4	294.446	

STT	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	KH 2025 giao đầu năm	Thực hiện dự án cấp tỉnh quản lý	Đã giao chi tiết thực hiện dự án	Tổng cộng	Số vốn chi tiết đã giao thực hiện dự án		Giải ngân đến 31/7/2025	Tỷ lệ giải ngân (%)	Tỷ lệ phân bổ chi tiết	Kế hoạch còn lại chưa phân bổ chi tiết	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh quản lý	Bổ sung ngân sách huyện					
3	Nguồn thu từ xổ số kiến thiết	180.000	180.000	180.000	180.000	42.210	137.790	58.049	32,2	100,0	-	
4	Nguồn vốn tăng thu tiết kiệm chi									-	-	
5	Nguồn vốn bội chi NSDP	77.600	77.600	23.000	23.000	23.000		448	1,9	29,6	54.600	
6	Nguồn vốn huy động, đóng góp và đầu tư khác										-	
II	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	5.629.755	5.629.755	5.328.647	5.328.647	4.666.332	662.315	1.549.061	29,1	94,7	301.108	
1	Chương trình mục tiêu (Vốn trong nước)	3.393.027	3.393.027	3.281.419	3.281.419	3.281.419		632.731	19,3	96,7	111.608	
2	Tăng thu, tiết kiệm chi	1.001.000	1.001.000	1.001.000	1.001.000	1.001.000		693.058	69,2	100,0	-	
3	Chương trình MTQG	840.326	840.326	760.947	760.947	98.632	662.315	211.776	27,8	90,6	79.379	
4	Vốn nước ngoài	395.402	395.402	285.281	285.281	285.281		11.496	4,0	72,1	110.121	
	Tỉnh Phú Yên (cũ)	5.250.180	5.250.180	5.095.480	5.095.480	5.095.480	-	1.601.916	31,4	97,1	154.700	
I	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (1+2+3+4)	3.240.752	3.240.752	3.096.998	3.096.998	3.096.998	-	1.010.343	32,6	95,6	143.754	
1	Trung ương cân đối vốn ĐTPT trong nước	458.420	458.420	434.285	434.285	434.285		161.618	37,2	94,7	24.135	
2	Thu tiền sử dụng đất	1.612.753	1.612.753	1.612.753	1.612.753	1.612.753		552.492	34,3	100,0	-	
3	Nguồn thu từ xổ số kiến thiết	170.000	170.000	79.500	79.500	79.500		20.750	26,1	46,8	90.500	
4	Nguồn vốn tăng thu tiết kiệm chi	860.928	860.928	858.509	858.509	858.509		270.033	31,5	99,7	2.419	
5	Nguồn vốn bội chi NSDP	122.700	122.700	96.000	96.000	96.000			-	78,2	26.700	
6	Nguồn vốn huy động, đóng góp và đầu tư khác	15.951	15.951	15.951	15.951	15.951		5.450	34,2	100,0	-	
II	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.009.428	2.009.428	1.998.482	1.998.482	1.998.482	-	591.573	29,6	99,5	10.946	
1	Chương trình mục tiêu (Vốn trong nước)	1.210.839	1.210.839	1.210.839	1.210.839	1.210.839		452.141	37,3	100,0	-	
2	Tăng thu, tiết kiệm chi	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000		20.492	4,6	100,0	-	

STT	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	KH 2025 giao đầu năm	Thực hiện dự án cấp tỉnh quản lý	Đã giao chi tiết thực hiện dự án	Tổng cộng	Số vốn chi tiết đã giao thực hiện dự án		Giải ngân đến 31/7/2025	Tỷ lệ giải ngân (%)	Tỷ lệ phân bổ chi tiết	Kế hoạch còn lại chưa phân bổ chi tiết	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh quản lý	Bổ sung ngân sách huyện					
3	Chương trình MTQG	178.982	178.982	168.036	168.036	168.036		115.011	68,4	93,9	10.946	
4	Vốn nước ngoài	169.607	169.607	169.607	169.607	169.607		3.929	2,3	100,0	-	

SỐ LIỆU CHI TIẾT TỪNG NGÀNH LĨNH VỰC

(Được trích dẫn từ Báo cáo số 55/TKT-BC ngày 04/08/2025 của Thống kê tỉnh Đắk Lắk)

1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 20 tháng 7 năm 2025

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích gieo trồng cây hàng năm (ha)			
Lúa	165,696	167,729	101.23
Lúa đông xuân	74,095	75,973	102.53
Lúa hè thu	24,740	24,700	99.84
Lúa mùa	66,860	67,056	100.29
Các loại cây khác (ha)			
Ngô	53,856	54,007	100.28
Khoai lang	4,606	4,603	99.93
Đậu phộng (lạc)	2,751	2,814	102.30
Rau các loại	16,439	16,667	101.39
Đậu các loại	15,342	15,093	98.37
Sản lượng thu hoạch các loại cây trồng vụ Đông Xuân (tấn)			
Lúa			
Lúa đông xuân	573,501	586,631	102.29
Lúa hè thu	-	-	-
Lúa mùa	-	-	-
Cây trồng khác vụ Đông Xuân (tấn)			
Ngô	33,936	35,166	103.62
Khoai lang	52,043	53,829	103.43
Sắn	345,059	321,605	93.20
Mía	951,081	1,100,539	115.71
Đậu tương (đậu nành)	107	61	57.13
Lạc (đậu phộng)	1,225	1,528	124.75
Đậu các loại	2,960	2,511	84.85
Rau các loại	104,621	105,698	101.03

2. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7 và 7 tháng năm 2025

ĐVT : %

	Thực hiện tháng 6/2025 so với tháng 6/2024	Ước tính tháng 7/2025 so với tháng 6/2025	Ước tính tháng 7/2025 so với tháng 7/2024	Cộng dồn 7 tháng/2025 so với 7 tháng/2024
Tổng số	111.58	106.39	115.48	112.53
B.Khai khoáng	96.09	104.49	123.05	109.41
+ Khai khoáng khác	96.09	104.49	123.05	109.41
C.Công nghiệp chế biến chế tạo	103.49	102.49	116.14	109.83
+ Sản xuất chế biến thực phẩm	106.98	102.22	136.56	113.10
+ Sản xuất đồ uống	104.10	104.10	104.98	99.67
+ Sản xuất sản phẩm thuốc lá	135.81	80.78	107.05	117.02
+ Dệt	107.65	101.96	112.92	104.00
+ Sản xuất trang phục	101.58	107.15	100.09	106.91
+ Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	123.86	100.41	99.80	149.94
+ Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	99.84	98.15	94.31	92.46
+ Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	104.03	60.26	119.06	127.88
+ In, sao chép bản ghi các loại	106.34	112.54	96.14	105.76
+ Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	165.27	97.22	108.25	122.59
+ Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	66.82	119.55	82.13	97.89
+ Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	119.11	103.25	124.08	124.54
+ Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	111.49	99.78	127.45	101.19
+ Sản xuất kim loại	90.90	120.03	102.08	121.53
+ Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	116.33	145.95	103.83	109.81
+ Sản xuất thiết bị điện	103.39	99.57	112.53	110.09
+ Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	86.72	98.22	97.43	103.25
+ Sản xuất phương tiện vận tải khác	100.58	96.37	105.50	99.99
+ Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	94.84	117.64	100.87	82.88
+ Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	104.60	87.14	101.39	121.15

	Thực hiện tháng 6/2025 so với tháng 6/2024	Ước tính tháng 7/2025 so với tháng 6/2025	Ước tính tháng 7/2025 so với tháng 7/2024	Cộng dồn 7 tháng/2025 so với 7 tháng/2024
+ Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	111.33	94.46	121.45	111.51
D.Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước...	131.57	113.40	114.06	119.19
+ Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước...	131.57	113.40	114.06	119.19
E.Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	105.91	114.48	121.12	108.35
+ Khai thác, xử lý và cung cấp nước	101.92	117.00	125.91	105.20
+ Thoát nước và xử lý nước thải	105.02	103.22	112.15	106.72
+ Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu	112.06	110.97	114.67	113.20

3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 7 và 7 tháng năm 2025

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6 năm 2025	Ước tính tháng 7 năm 2025	Cộng dồn 7 tháng năm 2025	Tháng 7/2025 so với tháng 7/2024 (%)	Cộng dồn 7 tháng/2025 so 7 tháng/2024 (%)
Đá cẩm thạch, travertine	M3	1,546.3	1,200.0	8,059.6	151.81	153.44
Đá xây dựng khác	M3	162,042.9	181,726.9	1,197,871.4	126.59	107.62
Cá ngừ đóng hộp	Tấn	457.0	472.0	3,618.3	118.00	123.14
Phi lê đông lạnh	Tấn	48.0	50.0	385.9	104.17	112.08
Hạt điều khô	Tấn	4,792.5	5,921.8	46,099.9	105.48	147.19
Tinh bột sắn, bột dong riêng	Tấn	-	-	97,682.6	-	107.23
Đường RE	Tấn	21,720.0	-	150,157.0	-	115.53
Đường RS	Tấn	585.0	-	90,519.2	-	100.33
Cà phê bột các loại (gồm cả cà phê hương liệu)	Tấn	4,129.7	5,205.7	30,757.7	150.75	115.39
Thức ăn cho gia súc	Tấn	2,800.0	3,100.0	13,290.0	114.81	151.80
Bia đóng chai	1000 lít	8,077.2	8,300.0	46,061.3	110.93	99.05
Bia đóng lon	1000 lít	277.0	290.0	2,204.0	78.59	106.37
Nước tinh khiết	1000 lít	1,931.3	2,116.4	14,334.7	118.72	100.82
Thuốc lá có đầu lọc	1000 bao	1,993.0	1,610.0	12,477.2	107.05	117.02
Quần áo da thuộc	1000 cái	976.2	1,061.6	7,161.0	111.15	118.51
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	1,592.4	1,743.8	10,512.5	92.68	99.54
Giày, dép không thấm nước có đế ngoài và mũ bằng cao su hay plastic	1000 đôi	154.0	156.0	1,149.0	97.50	154.85
Giày, dép có đế hoặc mũ bằng da	1000 đôi	170.0	170.0	1,185.0	103.03	160.14

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6 năm 2025	Ước tính tháng 7 năm 2025	Cộng dồn 7 tháng năm 2025	Tháng 7/2025 so với tháng 7/2024 (%)	Cộng dồn 7 tháng/2025 so 7 tháng/2024 (%)
Gỗ cưa hoặc xẻ (trừ gỗ xẻ tà vẹt)	M3	-	-	539.0	-	14.26
Vỏ bào, dăm gỗ	Tấn	22,164.0	21,565.0	114,619.0	97.72	88.84
Đồ để trên bàn và các đồ dùng trong bếp bằng gỗ	1000 cái	12.9	13.0	82.7	104.42	114.02
Sản phẩm mây, tre đan các loại	1000 cái	25.0	24.0	184.0	55.77	85.95
Giấy và bìa nhẵn	Tấn	98.0	62.0	567.0	121.57	145.01
Báo in (quy khổ 13cmx19cm)	Triệu trang	37.3	52.6	199.8	92.68	86.56
Sản phẩm in khác (quy khổ 13cmx19cm)	Triệu trang	556.1	543.4	3,105.9	95.53	119.92
Phân khoáng hoặc phân hoá học chứa 3 nguyên tố: nitơ, photpho và kali (NPK)	Tấn	9,128.6	8,729.1	44,986.9	108.09	119.53
Phân vi sinh	Tấn	1,379.7	1,769.6	8,281.1	383.29	182.46
Các hợp chất từ cao su tổng hợp và cao su tự nhiên và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc tấm lá hoặc dải	Tấn	702.3	917.4	4,466.7	103.16	109.85
Thuốc chứa pênixilin hoặc kháng sinh khác dạng viên	Triệu viên	105.0	125.5	758.3	82.13	97.89
Bao và túi (kể cả loại hình nón) từ plastic khác	Tấn	156.0	157.0	1,096.0	121.71	124.97
Thùng, hộp, thùng thưa, sọt và các sản phẩm tương tự bằng plastic	Tấn	27.0	40.0	240.0	200.00	126.58
Bình lớn có vỏ bọc ngoài, chai, lọ, chai bẹt và các sản phẩm tương tự bằng plastic	Tấn	8.8	9.7	139.0	50.85	144.01
Bao bì đóng gói khác bằng plastic	Tấn	5.5	5.6	40.6	80.00	143.97

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6 năm 2025	Ước tính tháng 7 năm 2025	Cộng dồn 7 tháng năm 2025	Tháng 7/2025 so với tháng 7/2024 (%)	Cộng dồn 7 tháng/2025 so 7 tháng/2024 (%)
Kính nổi và kính đã mài hoặc đánh bóng bề mặt ở dạng tấm, đã hoặc chưa tráng lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu nhưng chưa gia công cách khác	Tấn	0.2	0.3	5.8	52.00	241.49
Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	20,922.1	23,403.4	120,544.9	102.92	95.89
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M3	19,892.4	20,615.2	131,076.8	131.99	88.26
Các loại đá lát, đá lát lề đường và phiến đá lát đường, bằng đá tự nhiên (trừ đá phiến)	M2	35,003.2	33,633.0	241,113.6	141.56	107.22
Sắt, thép không hợp kim cán phẳng không gia công quá mức cán nóng, dạng cuộn, có chiều rộng ≥ 600 mm, chưa được dát phủ, mạ hoặc tráng	Tấn	12,080.0	14,500.0	92,645.0	102.08	121.53
Cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại	Tấn	397.0	2,520.0	4,340.2	95.45	95.37
Cấu kiện tháp và cột làm bằng những thanh sắt, thép bắt chéo nhau	Tấn	80.9	69.4	337.9	110.51	63.78
Thiết bị dùng cho dàn giáo, ván khuôn, vật chống hoặc cột trụ chống hầm lò bằng sắt, thép, nhôm	Tấn	37.7	53.7	289.2	201.20	87.76
Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	M2	16,235.1	16,228.9	91,337.9	284.97	327.97
Dịch vụ tiện các bộ phận kim loại	Triệu đồng	826.8	1,480.0	7,837.8	101.73	136.93
Neo, móc và các bộ phận rời của chúng bằng sắt hoặc thép	Tấn	12.0	14.0	82.0	233.33	205.00
Cuộn cáp dùng cho bộ nguồn cấp điện của các thiết bị xử lý dữ liệu tự động, máy phụ trợ của chúng và thiết bị viễn thông	1000 chiếc	54,431.9	54,200.5	340,017.6	112.53	110.09

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6 năm 2025	Ước tính tháng 7 năm 2025	Cộng dồn 7 tháng năm 2025	Tháng 7/2025 so với tháng 7/2024 (%)	Cộng dồn 7 tháng/2025 so 7 tháng/2024 (%)
Ghế khác có khung bằng gỗ	Chiếc	14,630.5	11,121.2	118,078.6	121.64	100.73
Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	Chiếc	2,469.2	3,191.4	17,786.9	106.20	91.34
Bàn bằng gỗ các loại	Chiếc	5,740.7	7,690.9	50,022.7	115.39	75.98
Các loại kính đeo mắt khác	1000 cái	118.1	95.0	647.9	102.15	113.19
Tóc giả, râu giả, lông mi giả, độn tóc và các loại tương tự từ tóc người, lông động vật và từ nguyên liệu dệt	Kg	573.7	590.0	5,100.9	100.48	136.31
Dịch vụ lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp khác chưa được phân vào đâu	Triệu đồng	166.3	71.6	645.2	-	66.51
Thuỷ điện + điện sinh khối	Triệu KWh	562.5	715.4	3,103.1	133.08	145.35
Điện gió	Triệu KWh	55.3	63.4	509.3	78.08	117.78
Điện mặt trời	Triệu KWh	151.1	145.2	1,098.0	101.09	100.60
Điện thương phẩm	Triệu KWh	397.6	311.5	2,319.3	111.41	108.35
Nước uống được	1000 m3	5,015.8	5,924.8	34,506.5	127.00	105.06
Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế	Triệu đồng	13,189.2	14,399.4	88,462.4	114.42	113.27

4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 7 và 7 tháng năm 2025

Nội dung	Thực hiện tháng 6 năm 2025 (triệu đồng)	Ước tháng 7 năm 2025 (triệu đồng)	Cộng dồn thực hiện đến cuối kỳ báo cáo (triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với kế hoạch năm (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	1,078,307	1,125,757	6,578,291	39.02	133.09
1. Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	1,058,433	1,106,111	6,463,835	38.90	133.64
- Vốn cân đối ngân sách tỉnh	367,456	372,244	2,709,175	39.92	94.76
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	189,246	161,216	1,569,226	31.52	94.19
- Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	672,447	678,342	3,553,482	41.53	190.71
- Vốn nước ngoài (ODA)	2,780	37,600	59,512	9.63	1,541.36
- Xò số kiến thiết	15,750	17,925	141,158	35.04	148.75
- Vốn khác	-	-	508	0.20	3.21
2. Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	19,874	19,646	114,456	47.58	108.09
- Vốn cân đối ngân sách xã	17,754	17,296	100,870	48.09	108.87
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	17,754	17,296	100,870	48.09	109.04
- Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	2,120	2,350	13,586	44.08	102.68
- Vốn khác	-	-	-	-	-

5. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tháng 7 và 7 tháng năm 2025

	Thực hiện tháng 6 năm 2025 (triệu đồng)	Ước tính tháng 7 năm 2025 (triệu đồng)	Cộng dồn 7 tháng năm 2025 (triệu đồng)	Ước tính tháng 7 năm 2025 so với tháng trước (%)	Tháng 7 năm 2025 so với cùng kỳ (%)	Cộng dồn 7 tháng năm 2025 so với cùng kỳ (%)
TỔNG SỐ	15,621,100	15,958,778	106,789,602	102.16	115.48	113.91
<i>Phân theo ngành hoạt động</i>						
Doanh thu bán lẻ	13,006,716	13,299,612	88,839,490	102.25	114.95	113.11
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	1,757,740	1,797,179	11,735,290	102.24	118.91	118.90
Dịch vụ lữ hành	16,348	16,290	76,740	99.65	123.97	117.74
Dịch vụ khác	840,296	845,697	6,138,083	100.64	116.55	116.35

6. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 7 và 7 tháng năm 2025

	Thực hiện tháng 6/2025 (Triệu đồng)	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến tháng báo cáo (Triệu đồng)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	13,006,716	13,299,612	88,839,490	114.95	113.11
Phân theo nhóm hàng					
1. Lương thực, thực phẩm	5,671,974	5,851,975	39,434,814	118.81	112.82
2. Hàng may mặc	464,222	479,879	3,446,489	103.59	107.47
3. Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình	1,551,812	1,558,564	10,996,920	108.79	112.74
4. Vật phẩm văn hóa, giáo dục	76,382	80,265	521,058	103.65	110.83
5. Gỗ và vật liệu xây dựng	913,459	954,177	6,219,007	132.60	121.04
6. Ô tô các loại	348,723	362,369	2,120,495	120.92	142.90
7. Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	1,326,800	1,318,530	8,154,149	98.28	111.60
8. Xăng, dầu các loại	1,838,342	1,862,690	12,247,833	113.63	107.64
9. Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	40,468	41,540	291,049	127.83	115.92
10. Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	312,579	311,855	2,019,167	145.73	123.47
11. Hàng hóa khác	271,882	273,912	2,062,793	101.45	109.81
12. Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	190,073	203,856	1,325,716	132.40	122.47

7. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 7 và 7 tháng năm 2025

	Thực hiện tháng 6 năm 2025 (triệu đồng)	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	1,774,088	1,813,469	11,812,029	118.96	118.89
Phân theo ngành kinh tế					
Dịch vụ lưu trú	193,407	205,341	1,304,599	120.20	131.16
Dịch vụ ăn uống	1,564,333	1,591,838	10,430,690	118.75	117.52
Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lich	16,348	16,290	76,740	123.97	117.74

8. Doanh thu dịch vụ khác tháng 7 và 7 tháng năm 2025

	Thực hiện tháng 6/2025 (Triệu đồng)	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	840,296	845,697	6,138,083	116.55	116.35
Phân theo nhóm, ngành hàng					
1. Dịch vụ kinh doanh bất động sản	59,472	61,193	516,848	113.34	138.74
2. Dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ	138,216	134,274	907,348	131.49	123.05
3. Dịch vụ giáo dục và đào tạo	63,187	58,329	509,799	129.20	131.54
4. Dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	173,407	178,254	1,312,011	113.81	128.63
5. Dịch vụ nghệ thuật, vui chơi giải trí	157,061	155,209	1,179,448	109.90	97.21
6. Dịch vụ sửa chữa máy tính, đồ dùng cá nhân và gia đình	61,296	63,060	441,980	118.16	121.05
7. Dịch vụ khác	187,657	195,378	1,270,649	112.85	107.72

9. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 7 và 7 tháng năm 2025

	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	794,773	5,514,148	100.05	109.54	112.63
Vận tải hành khách	204,016	1,412,098	99.54	118.29	116.90
Đường bộ	204,016	1,412,098	99.54	118.29	116.90
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	472,433	3,296,407	99.59	104.38	107.09
Đường bộ	472,433	3,296,407	99.59	104.38	107.09
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	76,817	519,762	103.38	114.97	132.27
Bưu chính, chuyển phát	41,507	285,881	101.98	123.39	132.01

10. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7 năm 2025

Đơn vị tính : %

	Chỉ số giá tháng báo cáo so với				Chỉ số giá bình quân kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	125.78	105.21	103.38	100.32	105.33
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	125.22	103.95	102.01	100.44	105.08
Lương thực	130.94	96.11	93.91	100.20	98.55
Thực phẩm	129.84	104.19	102.81	100.52	105.76
Ăn uống ngoài gia đình	107.29	109.56	105.89	100.34	108.04
Đồ uống và thuốc lá	125.64	104.42	102.28	100.20	104.67
May mặc, giày dép và mũ nón	121.15	104.71	102.16	100.71	103.97
Nhà ở và vật liệu xây dựng	151.37	114.74	108.49	100.73	112.74
Thiết bị và đồ dùng gia đình	123.38	103.63	102.53	100.31	102.82
Thuốc và dịch vụ y tế	129.18	115.78	115.24	100.00	115.77
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	132.52	119.50	119.12	100.00	119.59
Giao thông	112.20	96.97	100.35	99.71	96.85
Bưu chính viễn thông	97.40	99.03	99.58	100.06	98.62
Giáo dục	120.06	103.59	100.15	100.05	103.50
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	118.50	103.71	100.00	100.00	103.73
Văn hoá, giải trí và du lịch	114.71	100.32	100.09	100.16	100.43
Hàng hoá và dịch vụ khác	131.07	103.64	101.86	100.19	107.43
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	284.19	148.98	134.01	100.72	136.29
CHỈ SỐ ĐÔ LA MỸ	113.07	103.36	103.30	100.37	103.35

11. Vận tải hành khách của địa phương tháng 7 và 7 tháng năm 2025

	Ước tính kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
A. Vận chuyển hành khách - nghìn hành khách	2,415	16,250	99.71	110.64	103.66
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài nhà nước	2,415	16,250	99.71	110.64	103.66
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	2,415	16,250	99.71	110.64	103.66
Đường sông	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
B. Luân chuyển hành khách - Triệu HK.Km	217	1,537	99.86	105.41	109.37
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài nhà nước	217	1,537	99.86	105.41	109.37
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	217	1,537	99.86	105.41	109.37
Đường sông	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-

12. Vận tải hàng hoá của địa phương tháng 7 và 7 tháng năm 2025

	Ước tính kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
A. Vận chuyển hàng hoá - nghìn tấn	1,365	9,384	99.54	105.61	105.37
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài nhà nước	1,365	9,384	99.54	105.61	105.37
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	1,365	9,384	99.54	105.60	105.37
Đường sông	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
B. Luân chuyển hàng hoá - Triệu tấn.km	163	1,151	99.45	100.53	105.30
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài nhà nước	163	1,151	99.45	100.53	105.30
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	163	1,151	99.45	100.53	105.30
Đường sông	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-

13. Trật tự, an toàn xã hội tháng 7 và 7 tháng 2025

	Sơ bộ kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
1. Tai nạn giao thông					
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	45	329	86.54	91.84	84.58
Đường bộ	45	328	88.24	93.75	85.19
Đường sắt	-	1	-	-	25.00
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người chết (Người)	37	245	112.12	127.59	102.94
Đường bộ	37	243	119.35	132.14	104.29
Đường sắt	-	2	-	-	40.00
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	24	201	77.42	88.89	77.91
Đường bộ	24	201	77.42	88.89	77.91
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
2. Cháy, nổ	-	-	-	-	-
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	-	9	-	-	34.62
Số người chết (Người)	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	1	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	-	925	-	-	21.19